



BẢN TIN THÔNG TIN

Lý luận & Thực tiễn

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN



- GẮN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN VỚI THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

- NÂNG CAO TINH THẦN TỰ Ý THỨC CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

THÁNG 3
2026



Các đồng chí Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tặng hoa chúc mừng đồng chí Phạm Việt Đức - Hiệu trưởng



Tập thể cán bộ, giảng viên Nhà trường chụp ảnh lưu niệm nhân dịp kỷ niệm 116 năm ngày Quốc tế Phụ nữ (08/3/1910 - 08/3/2026)



Chịu trách nhiệm xuất bản

PHẠM VIỆT ĐỨC

Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng

Hội đồng Biên tập

PHẠM VIỆT ĐỨC

NGUYỄN PHÚC ÁI

ĐẶNG THỊ KIM OANH

ĐỖ TÀI

NGÔ THỊ HỒNG NHUNG

NGUYỄN VĂN TUẤN

NGUYỄN THỊ HỒNG MÂY

VŨ MẠNH HÀ

CÙ THỊ THU TRANG

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

TỈNH THÁI NGUYÊN

Trụ sở: số 330/1, đường Bắc Kạn,

P. Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.757.284

Fax: 02083.752.295

Trình bày: **Đức Hiếu**

Giấy phép xuất bản số 92/GP-XBBT do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10 tháng 3 năm 2026. In 200 cuốn khổ 19x27cm, tại Công ty cổ phần In Bắc Kạn. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2026.

Bản tin Thông tin Lý luận và thực tiễn

**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

MỤC LỤC

THÔNG TIN LÃNH ĐẠO - CHỈ ĐẠO

* **Phạm Việt Đức:** Gần đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học ở Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên với thực tiễn hoạt động của chính quyền cấp xã trong bối cảnh đổi mới tổ chức chính quyền địa phương...3

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

* **Ngô Thị Hồng Nhung:** Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Đề án số 07-ĐA/TU, ngày 09/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy các cấp, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030” tại Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên6

* **Nguyễn Thành Chung:** Nâng cao tinh thần tự ý thức của giảng viên trường chính trị hiện nay.....10

* **Nguyễn Thùy Dương:** Giá trị tác phẩm “Thà ít mà tốt” của V.I.Lênin trong sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hiện nay và giảng dạy lý luận chính trị ở Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.....13

* **Hứa Thị Minh Hồng:** Lồng ghép nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vào giảng dạy các phần học do Khoa Nhà nước và pháp luật đảm nhiệm.....17

* **Nguyễn Ngọc Minh:** Cán bộ, đảng viên nâng cao trách nhiệm trong bảo vệ Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới trước luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch21

* **Nguyễn Hải Yến:** Đề xuất một số giải pháp thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước tại tỉnh Thái Nguyên.....24

* **Lương Thu Hà:** Nâng cao hiệu quả công tác quản trị đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong bối cảnh chuyển đổi số.....26

* **Nguyễn Thị Dân:** Đấu tranh phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm xuyên tạc vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.....29

* **Phùng Thị Thu Phương:** Thái Nguyên đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân.....32

* **Bùi Thanh Thảo:** Giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0...35

* **Vũ Thị Thu Hương:** Tổng tuyển cử năm 1946 - Minh chứng lịch sử bác bỏ mọi luận điệu xuyên tạc về dân chủ ở Việt Nam.....38

* **Lục Thị Minh Phương:** Bãi bỏ thủ tục đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh - Bước tiến trong cải cách thủ tục hành chính về thuế.....41

* **Nguyễn Đình Chung:** Cuộc sống hạnh phúc ở Việt Nam.....44

* **Ma Trần Thu Hường:** Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thực hiện các hoạt động Đoàn tại tỉnh Thái Nguyên.....48

* **Vũ Thị Nhân:** Vận dụng quan điểm của Đảng về xây dựng lực lượng cách mạng trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên vào phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay.....51

* **Hoàng Công Tuấn:** Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước.....55

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

* **Đàm Thị Hạnh:** Mùa xuân trên vùng chè Thái Nguyên - Từ truyền thống của quê hương đến giá trị kinh tế.....58

* **Nguyễn Hải Yến:** Chuyển đổi số cấp xã trong bối cảnh vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp - Thực tiễn từ Ủy ban nhân dân xã Chợ Đồn.....60

TIN TỨC - SỰ KIỆN

* **Nguyễn Thị Hải Yến:** Sự kiện nổi bật quý I năm 2026 tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.....63

Ảnh bìa 1: Đồng chí Trịnh Xuân Trường, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy trao quyết định và tặng hoa chúc mừng đồng chí Phạm Việt Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, tân Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh.

GẮN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN VỚI THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

PGS, TS Phạm Việt Đức
Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng

Trong hệ thống giáo dục lý luận chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam, các trường chính trị cấp tỉnh có chức năng quan trọng trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở; đồng thời, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn phục vụ công tác lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương. Việc gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo, bồi dưỡng với nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn là yêu cầu mang tính nguyên tắc nhằm bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn và hiệu quả của hoạt động giáo dục lý luận chính trị.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ ở cơ sở, có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Đồng thời, đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.

Trong bối cảnh đổi mới tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp, yêu



Đại biểu tham dự Hội thảo khoa học cấp Bộ với chủ đề: “Chính quyền địa phương hai cấp: Lý luận, thực tiễn và định hướng nghiên cứu, giảng dạy trong các trường chính trị cấp tỉnh hiện nay” do Văn phòng Đề án 587, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Tỉnh ủy Thái Nguyên tổ chức tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở ngày càng trở nên cấp thiết. Điều đó, đặt ra yêu cầu đối với các trường chính trị tỉnh phải tiếp tục đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học theo hướng gắn kết hơn với thực tiễn quản lý ở địa phương.

1. Những yêu cầu đặt ra từ thực tiễn hoạt động của chính quyền cấp xã đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Việc sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong hoạt động của chính quyền cơ sở. Trước khi thực hiện chủ trương này, tỉnh Thái Nguyên

có 9 đơn vị hành chính cấp huyện và 172 đơn vị hành chính cấp xã; tỉnh Bắc Kạn có 8 đơn vị hành chính cấp huyện và 108 đơn vị hành chính cấp xã. Sau khi sáp nhập hai tỉnh và thực hiện sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Thái Nguyên (mới) còn 92 đơn vị hành chính cấp xã.

Thực tiễn hoạt động của chính quyền cấp xã trong điều kiện mới đang đặt ra nhiều yêu cầu đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên địa bàn tỉnh.

Thứ nhất, quy mô quản lý của các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp lớn hơn trước đáng kể, cả về diện tích tự nhiên, dân số và phạm vi quản lý nhà nước trên địa bàn. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã phải có năng lực quản lý tổng hợp tốt hơn, có khả năng tổ chức thực hiện nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước đồng thời trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đất đai, xây dựng, quản lý dân cư và bảo đảm an ninh xã hội.

Thứ hai, trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp, chính quyền cấp xã phải trực tiếp thực hiện nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước trước đây do cấp huyện đảm nhiệm. Điều này làm cho phạm vi và nội dung quản lý ở cơ sở trở nên rộng hơn, các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý ngày càng đa dạng và phức tạp. Vì vậy, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã không chỉ cần nắm vững các quy định của pháp luật mà còn phải có năng lực xử lý tình huống hành chính và khả năng giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý nhà nước tại địa phương.

Thứ ba, yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và nâng cao chất lượng phục vụ người dân đòi hỏi đội ngũ cán bộ cơ sở phải được trang bị các kỹ năng quản trị hành chính hiện đại.

Những yêu cầu từ thực tiễn hoạt động của chính quyền cấp xã tỉnh Thái Nguyên cho thấy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần được đổi mới theo hướng gắn chặt hơn với thực tiễn quản lý ở cơ sở, chú trọng nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ và kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương.

2. Thực trạng gắn đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với thực tiễn ở Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Trong những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã chú trọng đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học theo hướng gắn với thực tiễn lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

Nhà trường đã tích cực đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng theo hướng tăng cường gắn kết giữa lý luận với thực tiễn. Các chương trình đào tạo, đặc biệt, chương trình trung cấp lý luận chính trị và các lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý được rà soát, cập nhật thường xuyên để phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên chú trọng đưa các tình huống quản lý cụ thể từ thực tiễn ở cơ sở vào bài giảng; qua đó, giúp học viên nâng cao khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình công tác.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn cũng được nhà trường quan tâm đẩy mạnh. Giai đoạn 2020 - 2025, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã triển khai và nghiệm thu 65 đề tài khoa học cấp cơ sở; thực hiện 01 đề án và 03 đề tài khoa học cấp tỉnh; phối hợp thực hiện 01 đề tài cấp bộ; đồng thời, xuất bản 26 số bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn” nhằm trao đổi kết quả nghiên cứu và tổng kết kinh nghiệm từ thực tiễn địa phương. Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học và tọa đàm chuyên đề nhằm trao đổi, làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong công tác

lãnh đạo, quản lý ở địa phương (*Hội thảo, tọa đàm khoa học cấp tỉnh: 14; cấp trường: 37*). Năm 2025, Nhà trường đã phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học cấp Bộ với chủ đề “Chính quyền địa phương hai cấp: Lý luận, thực tiễn và định hướng nghiên cứu, giảng dạy trong các trường chính trị cấp tỉnh hiện nay”; qua đó, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc đổi mới nội dung đào tạo và nghiên cứu trong hệ thống trường chính trị.

Thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo chuyên đề và khảo sát thực tế tại cơ sở, nhiều vấn đề thực tiễn của địa phương đã được tổng kết, phân tích và đưa vào nội dung giảng dạy, góp phần nâng cao tính thực tiễn của chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

Tuy nhiên, trước yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay, việc gắn kết giữa hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với thực tiễn quản lý ở cơ sở vẫn còn một số hạn chế. Nội dung một số chuyên đề giảng dạy chưa kịp thời cập nhật đầy đủ những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và đổi mới mô hình tổ chức chính quyền địa phương. Hoạt động nghiên cứu khoa học trong một số trường hợp vẫn còn thiên về nghiên cứu lý luận, chưa tập trung nhiều vào giải quyết các vấn đề quản lý cụ thể của địa phương. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa Nhà trường với các địa phương trong việc khảo sát thực tiễn và đặt hàng nghiên cứu chưa thật sự thường xuyên và chặt chẽ.

Những hạn chế nêu trên cho thấy, việc tăng cường gắn kết giữa đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với thực tiễn hoạt động của chính quyền cấp xã tiếp tục là yêu cầu quan trọng đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.

3. Một số giải pháp tăng cường gắn kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với thực tiễn chính quyền cấp xã

Để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn hoạt động của chính quyền cấp xã, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng bám sát yêu cầu thực tiễn quản lý ở cơ sở. Các chuyên đề giảng dạy cần được cập nhật thường xuyên, bổ sung các vấn đề mới phát sinh trong quá trình triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Đồng thời, tăng cường các nội dung về kỹ năng thực thi công vụ, kỹ năng xử lý tình huống hành chính, kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước ở cấp xã...

Thứ hai, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với yêu cầu thực tiễn của địa phương. Các đề tài nghiên cứu cần tập trung vào những vấn đề cụ thể của tỉnh; đặc biệt các vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã trong bối cảnh đổi mới tổ chức bộ máy và đẩy mạnh cải cách hành chính. Qua đó, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định và thực thi chính sách ở địa phương.

Thứ ba, tăng cường cơ chế phối hợp giữa Trường Chính trị tỉnh với Sở Nội vụ, các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh. Thông qua sự phối hợp này, Nhà trường có thể kịp thời nắm bắt nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; đồng thời, phối hợp trong việc xây dựng chương trình, nội dung, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Qua đó, cũng góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động khảo sát thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm quản lý ở cơ sở, qua đó nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và nội dung giảng dạy của Nhà trường.

(Xem tiếp trang 16)

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỐ 07-ĐA/TU, NGÀY 09/12/2025 CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH VỀ “CỦNG CỐ, XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP, XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2025 - 2030” TẠI ĐẢNG BỘ TRƯỞNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Ngô Thị Hồng Nhung

Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt”; qua đó, nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của chi bộ và đội ngũ đảng viên đối với sức mạnh lãnh đạo của Đảng. Những năm qua, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều nghị quyết, đề án nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Qua đó, phương thức lãnh đạo từng bước được đổi mới; chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ được nâng lên; năng lực, trình độ của cấp ủy viên, bí thư cấp ủy cơ sở và cán bộ, đảng viên có chuyển biến tích cực; đa số tổ chức cơ sở đảng giữ vững vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, đóng góp quan trọng vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của cơ quan, địa phương, đơn vị. Bên cạnh đó, cấp ủy các cấp trong tỉnh luôn chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, quan tâm lãnh đạo và thực hiện tốt các khâu trong công tác cán bộ. Vì vậy, phần lớn cán bộ các cấp của tỉnh có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật; trình độ, năng lực được nâng lên, nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, thích ứng với xu thế hội nhập, có tư duy đổi mới, có khả năng hoạch định đường lối phát

triển kinh tế - xã hội và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một bộ phận tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; một số nơi còn lúng túng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết những vấn đề phát sinh ở cơ sở. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa thường xuyên, còn đảng viên bản lĩnh chính trị chưa vững vàng, tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu chưa cao; tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình có lúc, có nơi chưa quyết liệt. Một số chi bộ sinh hoạt còn hình thức, phương thức lãnh đạo chậm đổi mới; công tác phát triển đảng viên có nơi còn tập trung về số lượng; công tác rà soát, sàng lọc đảng viên chưa thực hiện thường xuyên, kịp thời. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên có nơi chưa thực chất. Đối với công tác cán bộ, đánh giá cán bộ vẫn còn hạn chế; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, nhất là khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Bước vào giai đoạn 2025 - 2030, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện mục tiêu Đại hội đại biểu toàn quốc khoá XIII, khoá

XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I theo định hướng: Phát triển nhanh, toàn diện, bền vững, trở thành trung tâm kinh tế - công nghiệp hiện đại của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc; đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh; tái cấu trúc nền kinh tế gắn với công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; giữ vững quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân. Những mục tiêu đó, đòi hỏi hệ thống chính trị cơ sở; đặc biệt, tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, phải có năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu cao hơn, đáp ứng yêu cầu mới về quản trị địa phương, quản trị xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh nhiều thách thức mới.

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của nhiệm kỳ 2025 - 2030, ngày 09/12/2025 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Đề án số 07-ĐA/TU về “Củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030”. Ngay sau khi Đề án số 07-ĐA/TU được ban hành, các cấp ủy đã triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án. Ngày 07/01/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 34-KH/TU; ngày 14/01/2026 Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh ban hành Kế hoạch số 27-KH/ĐU về thực hiện Đề án số 07-ĐA/TU.

Để quán triệt, triển khai nội dung của Đề án số 07-ĐA/TU đến các chi bộ trực thuộc, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động tại Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh, nhằm xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ Nhà trường; xây dựng đội

ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới. Ngày 23/01/2026, Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch số 07-KH/ĐU về thực hiện Đề án số 07-ĐA/TU. Đảng ủy Nhà trường xác định tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có chất lượng, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án. Xác định rõ nội dung, các bước tổ chức thực hiện, thời gian hoàn thành và trách nhiệm của các chi ủy chi bộ trực thuộc, nhất là vai trò của Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu đơn vị và các khoa, phòng để bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

Để nâng cao hiệu quả việc thực hiện Đề án số 07-ĐA/TU, trong những năm tới Đảng bộ Nhà trường cần thực hiện tốt một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, cấp ủy viên.

Đảng ủy Nhà trường xác định công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên, học viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng, phát triển đảng. Trong những năm tới, Đảng ủy tiếp tục tổ chức chặt chẽ việc nghiên cứu, học tập, quán triệt và tuyên truyền các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của Đảng ủy cấp trên, Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018, của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Đặc biệt, quán triệt sâu sắc và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường. Qua đó, giúp cho cán bộ, đảng

viên, học viên nhận thức rõ vị trí, ý nghĩa của các văn kiện, nghị quyết đối với vai trò lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng. Trên cơ sở đó, tạo sự thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng, ý chí, hành động; củng cố niềm tin của quần chúng, cán bộ, đảng viên, học viên đối với Đảng và chế độ. Đồng thời, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch.

Bên cạnh đó, Đảng ủy, chi ủy các chi bộ trực thuộc tăng cường giáo dục, rèn luyện cho cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng của người cộng sản, nêu cao ý thức cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư; thực hiện tốt phương châm hành động: “Đoàn kết, đổi mới, trách nhiệm, kỷ cương, hiệu quả”, nhằm đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, yếu kém, trì trệ, chống tham nhũng, lãng phí.

Thứ hai, đổi mới nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

Thực hiện nghiêm quy chế làm việc, nền nếp sinh hoạt chi bộ định kỳ, sinh hoạt chuyên đề theo quy định của Điều lệ Đảng, Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới và Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW, ngày 28/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Duy trì việc phân công Ban Thường vụ Đảng ủy sinh hoạt với chi bộ trực thuộc để nắm tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ sinh hoạt Đảng ủy, chi bộ; củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ chi ủy viên, bí thư chi bộ, bồi dưỡng kỹ năng chuẩn bị, điều hành sinh hoạt chi bộ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sinh hoạt chi bộ, thực hiện hiệu quả “Sổ tay đảng viên điện tử”; tiếp tục thực hiện, nhân rộng các mô hình “Chi bộ bốn tốt”, “Đảng bộ cơ sở bốn tốt”.

Thứ ba, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng ủy, Chi ủy các chi bộ trực thuộc.

Đảng ủy, chi ủy các chi bộ trực thuộc thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc bảo đảm đúng Điều lệ Đảng, các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Nhà trường, quy chế của Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh cho phù hợp với Đảng ủy, các chi bộ trực thuộc; xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc, mối quan hệ công tác giữa tập thể và cá nhân. Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác Đảng, năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết cho đội ngũ chi ủy viên các chi bộ trực thuộc, thông qua các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, rèn luyện thực tiễn; kịp thời kiện toàn chi ủy các chi bộ trực thuộc bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Đảng ủy, chi ủy các chi bộ trực thuộc. Ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết; bảo đảm nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng; đồng thời phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động, sáng tạo. Đảng ủy, các chi bộ trực thuộc cần bám sát nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của cấp trên, kịp thời cụ thể hóa, tổ chức thực hiện sáng tạo, hiệu quả, phù hợp thực tiễn; tổng kết, nhân rộng cách làm hay, mô hình tốt; chủ động phát hiện, xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Phát huy vai trò trung tâm đoàn kết, trách nhiệm chính trị và tính nêu gương của người đứng đầu, nhất là bí thư cấp ủy; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các khoa, phòng có khát vọng cống hiến, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, tuân thủ kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

Thứ tư, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ.

Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các khoa, phòng, đội ngũ giảng viên bảo đảm số lượng, cơ cấu hợp lý, chất lượng ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các khoa, phòng có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy chiến lược, năng lực lãnh đạo, quản lý toàn diện, am hiểu thực tiễn, có uy tín trong Đảng bộ và học viên.

Chỉ đạo thực hiện kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng quý, hằng năm nghiêm túc, thực chất, đúng hướng dẫn; tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về “*Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng*”.

Đảng ủy tăng cường và nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo trong thực hiện các nội dung về công tác cán bộ; chú trọng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, viên chức ngay từ khâu tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá thông qua hiệu quả hoạt động thực tiễn; sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, khắc phục những mặt còn tồn tại, hạn chế của Đảng bộ.

Ban Thường vụ Đảng ủy phối hợp với Hiệu trưởng trong việc lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý cán bộ, phát huy trách nhiệm người đứng đầu trong lựa chọn đúng người có đủ phẩm chất, năng lực theo tiêu chuẩn quy định để bổ nhiệm.

Thứ năm, nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong nội bộ, giữ gìn chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt tự phê bình, phê bình ở các chi bộ trực thuộc;

xây dựng quy định tự phê bình và phê bình; tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên rõ mục đích, nội dung, yêu cầu của tự phê bình và phê bình. Từ đó, đảng viên học tập lẫn nhau, giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, giúp nhau tiến bộ, sửa đổi cách làm việc tốt hơn, đúng hơn, kịp thời phát hiện và giải quyết các mâu thuẫn nội bộ của Đảng, xây dựng đoàn kết, thống nhất nội bộ.

Thường xuyên quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết, kiên trì, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm. Cần phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu đơn vị và các khoa, phòng trong việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương với đẩy mạnh thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Mỗi cán bộ, đảng viên cần có nhận thức sâu sắc, thực hiện có hiệu quả quan điểm, phương châm, chủ trương, giải pháp của Đảng về đấu tranh khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay.

Quán triệt, thực hiện tốt các giải pháp nêu trên có ý nghĩa quan trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới, là điều kiện tiên quyết để xây dựng Đảng bộ Nhà trường trong sạch, vững mạnh, bảo đảm mọi hoạt động của Đảng bộ tuân thủ và thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần thực hiện tốt Đề án số 07-ĐA/TU mà Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đề ra./.

NÂNG CAO TINH THẦN TỰ Ý THỨC CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

ThS Nguyễn Thành Chung
Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Trong hệ thống triết học Mác - Lênin, ý thức là phạm trù trung tâm phản ánh trình độ phát triển cao của đời sống tinh thần con người. Trên cơ sở phê phán chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật máy móc, C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đã luận chứng khoa học rằng ý thức không phải là thực thể siêu nhiên hay cái tồn tại biệt lập, mà là sản phẩm của sự phát triển cao của vật chất, có nguồn gốc từ lao động, ngôn ngữ và toàn bộ đời sống xã hội. Ý thức vừa là sự phản ánh hiện thực khách quan, vừa mang tính năng động, sáng tạo, định hướng hoạt động thực tiễn của con người.

Tuy nhiên, để hiểu đúng vai trò của ý thức trong đời sống xã hội, không thể chỉ dừng lại ở việc xác định nguồn gốc và bản chất mà cần làm rõ kết cấu của ý thức. Theo triết học Mác - Lênin, ý thức là một chỉnh thể có cấu trúc phức tạp, bao gồm nhiều yếu tố thống nhất biện chứng với nhau. Xét theo kết cấu ý thức theo chiều ngang gồm các mặt cơ bản: Tri thức - phản ánh hiện thực khách quan; Tình cảm - thái độ cảm xúc đối với hiện thực; Ý chí - năng lực điều chỉnh hành vi của con người. Còn xét kết cấu theo chiều dọc, ý thức có thể khái quát thành ba tầng cơ bản: Tự ý thức - sự nhận thức và đánh giá của cá nhân về chính bản thân mình, giữ vai trò hạt nhân định hướng; Tình cảm - các trạng thái cảm xúc gắn với nhận thức và tự đánh giá của cá nhân; Lý trí - năng lực tư duy, phán đoán và lựa chọn hành động một cách có ý thức. Ba tầng này không tồn tại tách rời mà gắn bó chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau; song trong mối quan hệ đó, tự ý thức giữ vai trò hạt nhân, có ý nghĩa định hướng đối với sự vận động của toàn bộ đời sống tinh thần con người. Do đó, tự ý thức

chính là yếu tố quyết định để ý thức trở thành động lực thúc đẩy con người hành động một cách tự giác và có trách nhiệm.

Từ góc độ đó, có thể khẳng định tự ý thức không chỉ giúp con người nhận thức đúng bản thân mình, mà còn là cơ chế điều chỉnh hành vi, bảo đảm cho hoạt động của cá nhân phù hợp với lợi ích xã hội. Khi tự ý thức bị suy giảm hoặc sai lệch, hành động của con người dễ rơi vào trạng thái tự phát, cảm tính và thiếu trách nhiệm. Ngược lại, khi tự ý thức được nâng cao, con người sẽ biết tự giới hạn mình, tự điều chỉnh hành vi và hành động một cách tự giác, có trách nhiệm đối với xã hội.

Tuy nhiên, trong thực tiễn hiện nay, sự thiếu hụt hoặc lệch lạc về tự ý thức đang bộc lộ khá rõ, đặc biệt, trong hành vi phát ngôn và ứng xử trên không gian mạng xã hội. Không ít cá nhân, do không tự ý thức đầy đủ về vị trí xã hội, vai trò nghề nghiệp và trách nhiệm công dân của mình, đã có những phát ngôn tùy tiện, cảm tính, thậm chí cực đoan, coi mạng xã hội như một “không gian riêng” tách rời khỏi các chuẩn mực xã hội chung. Thực chất, đó là biểu hiện của sự nhầm lẫn giữa cái tôi cá nhân và cái tôi xã hội, giữa quyền tự do biểu đạt với trách nhiệm xã hội của chủ thể phát ngôn.

Đáng chú ý, trong môi trường mạng xã hội, hiện tượng “ảo tưởng sức mạnh” - tức là cảm giác quyền lực do lượt thích, lượt chia sẻ hay sự lan truyền thông tin mang lại - càng làm cho sự thiếu tự ý thức trở nên trầm trọng hơn. Khi không tự ý thức đúng đắn, cá nhân dễ rơi vào trạng thái phát ngôn theo cảm xúc tức thời, thiếu kiểm chứng, thiếu cân nhắc hậu quả xã hội, thậm chí làm tổn hại đến lợi ích chung, gây nhiễu loạn nhận thức xã hội và làm suy giảm niềm tin. Điều này cho thấy, trong điều kiện xã hội hiện đại, tự ý thức không chỉ

là vấn đề nhận thức triết học mà đã trở thành yêu cầu cấp thiết của văn hóa ứng xử và trách nhiệm công dân.

Từ những luận điểm trên, có thể khẳng định trách nhiệm xã hội của con người không phải là sự áp đặt đơn thuần từ bên ngoài mà trước hết là kết quả của quá trình tự ý thức. Nhận thức này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi vận dụng vào việc xem xét trách nhiệm của giảng viên trường chính trị trong bối cảnh hiện nay.

Tại các trường chính trị, tự ý thức của đội ngũ giảng viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao trách nhiệm đối với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn hiện nay. Với đặc thù là lực lượng trực tiếp truyền bá lý luận chính trị, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giảng viên không chỉ thực hiện chức năng giảng dạy mà còn tham gia định hướng tư tưởng, góp phần bồi dưỡng bản lĩnh chính trị và đạo đức công vụ cho học viên. Do đó, khi giảng viên tự ý thức sâu sắc về vị trí, vai trò và sứ mệnh nghề nghiệp của mình, họ sẽ chủ động rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tích cực đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Đây chính là cơ sở quan trọng để nâng cao tinh thần trách nhiệm và chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Xuất phát từ lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, tự ý thức được xem là yếu tố có vai trò định hướng đối với hành vi và trách nhiệm của chủ thể xã hội. Đối với giảng viên trường chính trị, tự ý thức không chỉ giúp họ nhận thức đúng vị trí của bản thân mà còn định hình thái độ, trách nhiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động tư tưởng. Việc nâng cao tinh thần tự ý thức của giảng viên trường chính trị có thể được nhìn nhận trên một số phương diện cơ bản sau đây:

Một là, tự ý thức giúp giảng viên trường chính trị nhận thức rõ vị trí của mình trong hệ thống chính trị và trong công tác tư tưởng của Đảng.

Giảng viên trường chính trị không đơn thuần là người truyền đạt tri thức, mà còn là chủ thể trực tiếp tham gia vào hoạt động tư tưởng - lý luận, góp phần bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng. Khi tự ý thức đầy đủ về vị trí của mình, giảng viên sẽ nhận thức rõ mỗi bài giảng, mỗi luận điểm được truyền đạt đều mang ý nghĩa chính trị - xã hội nhất định. Từ đó, hình thành thái độ nghiêm túc, thận trọng và có trách nhiệm trong giảng dạy và phát ngôn.

Hai là, tự ý thức giúp giảng viên xác định đúng vai trò của mình trong tổ chức và các mối quan hệ công tác.

Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, cá nhân chỉ tồn tại và phát triển trong mối quan hệ với cộng đồng và tổ chức. Khi tự ý thức rõ mình là một bộ phận của chỉnh thể nhà trường, giảng viên sẽ biết đặt cái “tôi” cá nhân trong mối quan hệ biện chứng với cái “chúng ta” của tổ chức, tôn trọng nguyên tắc tổ chức, kỷ luật phát ngôn và chuẩn mực nghề nghiệp. Điều này góp phần bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và định hướng chính trị trong nhà trường.

Ba là, tự ý thức là cơ sở hình thành tinh tự giác và trách nhiệm nghề nghiệp của giảng viên trường chính trị.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ rằng sự khác biệt căn bản giữa hành động tự phát và hành động tự giác nằm ở trình độ tự ý thức của chủ thể. Khi tự ý thức cao, giảng viên không phải thực hiện nhiệm vụ vì sự kiểm tra hay thúc ép hành chính mà vì nhận thức rõ trách nhiệm xã hội và sứ mệnh nghề nghiệp của mình. Trách nhiệm khi đó trở thành động lực nội sinh, thúc đẩy giảng viên chủ động tự học, tự nghiên cứu, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy.

Bốn là, tự ý thức định hướng sự thống nhất giữa tình cảm cách mạng và lý trí khoa học trong hoạt động giảng dạy lý luận chính trị.

Tự ý thức đúng đắn giữ vai trò quan trọng trong việc điều hòa và gắn kết tình cảm cách mạng với lý trí khoa học. Nếu thiếu tự ý thức, tình cảm cách mạng dễ rơi vào cảm

tính, giáo điều. Ngược lại, lý trí khoa học có thể trở nên khô cứng, tách rời mục tiêu chính trị - xã hội. Thông qua tự ý thức, giảng viên nhận thức rõ giảng dạy lý luận chính trị không chỉ đòi hỏi tính khoa học, khách quan mà còn phải phục vụ mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Sự thống nhất này góp phần nâng cao tính thuyết phục của bài giảng và hiệu quả giáo dục lý luận chính trị.

Năm là, tự ý thức là nền tảng để giảng viên trường chính trị thực hiện trách nhiệm đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.

Trong bối cảnh hội nhập và sự bùng nổ thông tin, tự ý thức về sứ mệnh của một “chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng” giúp giảng viên hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng. Đây là cơ sở để chủ thể chuyển từ trạng thái tiếp nhận thụ động sang chủ động tấn công, sử dụng lập luận khoa học và thế giới quan duy vật biện chứng để nhận diện, phản bác các luận điệu xuyên tạc, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Khi tự ý thức rõ vị trí và vai trò của mình, giảng viên sẽ không né tránh các vấn đề tư tưởng phức tạp, không đứng ngoài cuộc đấu tranh tư tưởng mà chủ động phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bằng lập luận khoa học và lập trường kiên định.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, việc nâng cao tinh thần tự ý thức có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện trách nhiệm của giảng viên trường chính trị hiện nay. Để thực hiện tốt hơn nữa trách nhiệm ấy, cần triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản sau đây:

Thứ nhất, củng cố nền tảng thế giới quan và phương pháp luận thông qua đào tạo, bồi dưỡng lý luận. Cần chú trọng, tăng cường giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị và phương pháp luận Mác - Lênin cho đội ngũ giảng viên, nhằm thường xuyên củng cố thế giới quan khoa học và nâng cao trình độ tự ý thức chính trị - nghề nghiệp.

Thứ hai, xây dựng môi trường học thuật và văn hóa trường Đảng lành mạnh, trong đó, đề cao tinh thần trách nhiệm, tính tự giác và

chuẩn mực nghề nghiệp của giảng viên, tạo điều kiện để mỗi cá nhân tự soi, tự sửa và tự hoàn thiện.

Thứ ba, đổi mới công tác đánh giá, sử dụng giảng viên theo hướng coi trọng mức độ tự giác, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả thực chất của hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, tránh nặng về hình thức và hành chính.

Thứ tư, phát huy tính tích cực của giảng viên. Mỗi giảng viên trường chính trị cần chủ động rèn luyện tự ý thức như một yêu cầu tự thân, gắn việc nâng cao tự ý thức với quá trình tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản lĩnh chính trị và nâng cao năng lực chuyên môn, coi đây là điều kiện nền tảng để hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tình hình mới.

Từ lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, có thể khẳng định tự ý thức là hạt nhân của kết cấu ý thức con người, quyết định tính tự giác và trách nhiệm trong hoạt động xã hội. Đối với giảng viên trường chính trị, việc nâng cao tự ý thức không chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển cá nhân mà còn là điều kiện nền tảng để nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

1. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Hệ tư tưởng Đức*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị: Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Lý luận chính trị.
3. Ph.Ăngghen (1996), *Biện chứng của tự nhiên*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. V.I.Lênin (2005), *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. V.I.Lênin (2006), *Làm gì?*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

GIÁ TRỊ TÁC PHẨM “THÀ ÍT MÀ TỐT” CỦA V.I.LÊNIN TRONG SẮP XẾP, SẮP NHẬP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH HIỆN NAY VÀ GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Thùy Dương

*Phó Trưởng phòng Tổ chức, hành chính,
thông tin, tư liệu*

Tác phẩm “Thà ít mà tốt” được V.I.Lênin viết tháng 3 năm 1923 và được công bố lần đầu tiên trên báo “Sự Thật”, số 49, ngày 04 tháng 3 năm 1923. Tác phẩm ra đời là kết quả của những trăn trở, sự thôi thúc nội tâm của V.I.Lênin trước vấn đề cải tiến hệ thống chính trị của Nhà nước Xô viết mà trung tâm của nó là cải tiến bộ máy nhà nước đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong nước cũng như quốc tế đang cấp bách đặt ra.

Nội dung của tác phẩm được V.I.Lênin đề cập đến ba vấn đề trọng tâm sau:

Thứ nhất, quan điểm đánh giá nhà nước, V.I.Lênin đã đánh giá bản chất, vai trò, ý nghĩa lịch sử và thực trạng của Nhà nước Xô viết. Đồng thời, chỉ ra những yếu kém của Nhà nước là do bắt nguồn từ quá khứ; trình độ văn hóa thấp; cuộc nội chiến chống sự can thiệp của các nước đế quốc và bọn phản động trong nước kéo dài; các nước đế quốc tăng cường phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. Vì vậy, cần phải cải tiến bộ máy nhà nước.

Thứ hai, để cải tiến được bộ máy nhà nước, V.I.Lênin nêu rõ mục đích, yêu cầu, điều kiện và phương châm thực hiện. Để cho bộ máy Nhà nước Xô viết trở thành một bộ máy nhà nước thực sự xứng đáng với danh hiệu nhà nước xã hội chủ nghĩa, có chất lượng “kiểu mẫu thực sự, có biên chế gọn nhẹ, tiết kiệm và trong sạch đến tột mức”¹ thì cơ quan phải gương mẫu, được mọi người tín nhiệm tuyệt đối và chỉ ra cho tất cả, cho từng người

thấy rằng chúng ta thực sự đáng được công việc; bên cạnh đó phải đảm bảo cho Nhà nước Xô viết đứng vững được cho đến khi xuất hiện các nước xã hội chủ nghĩa khác và tránh được sự xung đột với các nước tư bản chủ nghĩa. Muốn xây dựng được Nhà nước Xô viết thực sự trong sạch, vững mạnh và gương mẫu thì phải được xây dựng trên cơ sở vững chắc của khối liên minh công - nông, đó là liên minh chính trị bảo đảm cho họ có quyền làm chủ. Đồng thời, V.I.Lênin cũng đã đưa ra hai điều kiện để cải tiến bộ máy nhà nước, đó là: Giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải hăng hái đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, phải có trình độ cần thiết, mỗi người phải tự nỗ lực, cố gắng học tập nâng cao trình độ, coi học thức là bộ phận khăng khít của cuộc sống, ra sức học tập để phục vụ lợi ích chung.

Với phương châm chỉ đạo cải tiến bộ máy Nhà nước Xô viết phải tuân theo nguyên tắc “Thà ít mà tốt”, phương châm đó được biểu hiện: Một là, cải tiến bộ máy nhà nước phải được tiến hành có trọng điểm. Nếu xác định đúng trọng điểm và giải quyết tốt, từ đó, sẽ có tác dụng đến các khâu khác. Hai là, tiến hành cải tiến bộ máy nhà nước phải thận trọng, vững chắc, tránh lề mề, chậm chạp, kéo dài, kém hiệu quả. Ba là, phải kiên trì, nỗ lực lâu dài vượt qua khó khăn để thực hiện trong cả một quá trình.

Thứ ba, đưa ra những biện pháp chủ yếu cải tiến bộ máy nhà nước, đó là: Tăng cường công tác kiểm tra; hợp lý hóa tổ chức, tinh giản bộ máy, biên chế, tiết kiệm trong xây dựng bộ máy nhà nước; lựa chọn, bồi dưỡng cán bộ.

¹ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.45, tr.449

Có thể thấy, những nội dung lý luận trong tác phẩm “*Thà ít mà tốt*” không chỉ có ý nghĩa trong bối cảnh lịch sử cụ thể mà còn mang giá trị phương pháp luận lâu dài đối với công tác tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai thực hiện mạnh mẽ việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính nhằm tinh gọn bộ máy, sử dụng hiệu quả nguồn lực và nâng cao chất lượng quản lý nhà nước. Cuộc cải cách này, không chỉ được đánh dấu bằng quy mô sắp xếp, tốc độ triển khai nhanh mà còn bằng việc bộ máy mới đi vào vận hành ổn định, thông suốt ngay từ đầu, không hề xảy ra khoảng trống quản lý, không làm gián đoạn hoạt động quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp. Những kết quả đạt được không chỉ thể hiện quyết tâm chính trị rất cao của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ mà còn đặt nền tảng quan trọng cho đổi mới quản trị quốc gia, phân cấp, phân quyền và phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Cùng với cả nước, những kết quả bước đầu trong sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính ở tỉnh Thái Nguyên phản ánh rõ tinh thần và phương châm “*Thà ít mà tốt*” mà V.I.Lênin đã nêu ra trong tác phẩm của mình. Cải tiến bộ máy nhà nước không phải là sự thu hẹp đơn thuần về mặt số lượng mà là quá trình nâng cao chất lượng tổ chức, hiệu lực quản lý và năng lực thực thi quyền lực nhà nước. Việc sắp xếp 92 xã, phường gắn với bố trí, sắp xếp lại gần 38.000 cán bộ, công chức, viên chức vào các vị trí công tác phù hợp, đồng thời, điều động hàng trăm cán bộ cấp tỉnh tăng cường cho cấp xã, góp phần bảo đảm cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và duy trì hoạt động thông suốt của bộ máy hành chính. Qua đó, cho thấy tổ chức bộ máy của tỉnh Thái Nguyên đã chuyển từ mở rộng theo chiều ngang sang tinh gọn theo chiều sâu, tập trung vào những khâu then chốt, có tác động trực tiếp đến hiệu quả quản lý và phục vụ Nhân dân.

Tư tưởng của V.I.Lênin về việc xây dựng một bộ máy nhà nước gọn nhẹ, trong sạch và hoạt động có chất lượng kiểu mẫu được thể hiện rõ trong cách tiếp cận của tỉnh Thái Nguyên khi không chạy theo việc duy trì hình thức tổ chức cũ mà mạnh dạn điều chỉnh, sắp xếp lại đơn vị hành chính và đội ngũ cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Việc điều động hàng trăm cán bộ cấp tỉnh tăng cường cho cấp xã không chỉ là giải pháp tình thế về nhân sự, mà còn thể hiện đúng quan điểm của V.I.Lênin về vai trò quyết định của đội ngũ cán bộ có trình độ, có năng lực thực tiễn đối với chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước. Điều này phù hợp với luận điểm của V.I.Lênin cho rằng “ít” nhưng phải là “tốt”, tức là mỗi vị trí công tác đều phải được đảm nhiệm bởi những người thực sự có năng lực, trách nhiệm và uy tín.

Bên cạnh đó, quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính ở Thái Nguyên cũng cho thấy sự vận dụng nguyên tắc thận trọng, có trọng điểm và kiên trì mà V.I.Lênin nhấn mạnh trong tác phẩm. Việc bố trí lại cán bộ được thực hiện trên cơ sở cân nhắc đến cơ cấu, trình độ chuyên môn và yêu cầu thực tiễn ở cơ sở, góp phần bảo đảm cho bộ máy hành chính sau sắp xếp không bị gián đoạn hoạt động, từng bước ổn định và nâng cao hiệu quả quản lý. Qua đó, có thể khẳng định, những kết quả đạt được không chỉ mang ý nghĩa trước mắt mà còn đặt nền tảng lâu dài cho việc xây dựng bộ máy chính quyền cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu quả và gần dân hơn.

Như vậy, thực tiễn sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính ở tỉnh Thái Nguyên đã minh chứng sinh động cho giá trị phương pháp luận của tác phẩm “*Thà ít mà tốt*”. Việc vận dụng tư tưởng của V.I.Lênin không chỉ giúp định hướng đúng đắn quá trình tinh gọn bộ máy mà còn góp phần giải quyết những vấn đề mới nảy sinh về tổ chức, quản lý và đội ngũ cán bộ ở cơ sở, khẳng định ý nghĩa bền vững của tác phẩm trong điều kiện xây dựng và hoàn thiện

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy, quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính không chỉ là vấn đề kỹ thuật tổ chức mà còn là vấn đề nhận thức, tư tưởng và năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ. Chính vì vậy, công tác giảng dạy lý luận chính trị giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc định hướng tư duy, củng cố niềm tin và trang bị phương pháp luận khoa học cho cán bộ, đảng viên. Đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, nơi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, việc gắn nội dung giảng dạy lý luận chính trị với thực tiễn sắp xếp đơn vị hành chính của địa phương là yêu cầu mang tính tất yếu.

Việc vận dụng tư tưởng “*Thà ít mà tốt*” của V.I.Lênin trong giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trước hết góp phần giúp học viên nhận thức rõ bản chất và mục tiêu của chủ trương sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính. Việc sắp xếp không nhằm giảm số lượng đơn vị hành chính một cách đơn thuần, mà hướng tới xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, hoạt động hiệu quả hơn, phục vụ Nhân dân tốt hơn. Qua đó, học viên có cơ sở lý luận vững chắc để giải thích, tuyên truyền và tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện ở cơ sở.

Để phát huy hiệu quả giá trị tác phẩm “*Thà ít mà tốt*” trong giảng dạy lý luận chính trị, đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên cần chú trọng một số định hướng sau:

Thứ nhất, giảng viên cần chủ động nghiên cứu sâu và cập nhật cách nhìn mới về tác phẩm “*Thà ít mà tốt*”. Khi nghiên cứu, giảng viên không chỉ nói về bối cảnh lịch sử hay các luận điểm cơ bản của tác phẩm mà còn cần giải thích rõ giá trị thực tiễn của nó trong việc tổ chức bộ máy nhà nước và xây dựng đội ngũ cán bộ hiện nay.

Thứ hai, giảng viên cần đổi mới cách thức tuyên truyền tác phẩm theo hướng gắn lý

luận với thực tiễn sinh động. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên nên lựa chọn những vấn đề thực tiễn đang đặt ra tại địa phương như sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính; bố trí, sử dụng cán bộ sau sáp nhập; tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và nhân dân... để phân tích, đối chiếu với các luận điểm của V.I.Lênin. Thông qua đó, học viên nhận thức rõ rằng những tư tưởng trong tác phẩm “*Thà ít mà tốt*” không phải là lý luận trừu tượng, xa rời thực tế mà có khả năng giải thích và định hướng hành động đối với những vấn đề rất cụ thể đang diễn ra ở cơ sở.

Thứ ba, giảng viên cần phát huy vai trò nêu gương về phương pháp tư duy và phong cách làm việc khoa học. Tư tưởng “*Thà ít mà tốt*” không chỉ là nội dung học tập, mà còn là phương châm hành động. Vì vậy, trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, giảng viên cần thể hiện tinh thần làm việc nghiêm túc, chuẩn mực, chú trọng chất lượng hơn số lượng; chuẩn bị bài giảng có chiều sâu, lựa chọn nội dung trọng tâm, tránh dàn trải. Chính kiến thức và phong cách giảng dạy đó sẽ có tác dụng lan tỏa, giúp học viên cảm nhận được giá trị thực tiễn của tư tưởng V.I.Lênin ngay trong quá trình học tập.

Thứ tư, giảng viên cần tổ chức các hoạt động học tập mang tính trải nghiệm và đối thoại khoa học. Qua đó, tạo điều kiện để học viên chủ động khám phá giá trị của tác phẩm. Việc tổ chức thảo luận nhóm, seminar chuyên đề, viết khóa luận liên hệ thực tiễn sắp xếp đơn vị hành chính tại địa phương sẽ giúp học viên tự mình phân tích, đánh giá và rút ra bài học từ tư tưởng “*Thà ít mà tốt*”. Qua quá trình đó, lý luận không còn là sự áp đặt từ giảng viên mà trở thành kết quả của nhận thức tự giác, góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền và giáo dục lý luận chính trị.

Thứ năm, giảng viên cần chú trọng bồi dưỡng cho học viên năng lực tuyên truyền và vận dụng lý luận trong thực tiễn công tác. Trên

cơ sở hiểu đúng, hiểu sâu tác phẩm, giảng viên cần hướng dẫn học viên cách diễn đạt, giải thích các nội dung cốt lõi của tư tưởng “*Thà ít mà tốt*” bằng ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với đối tượng cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ở cơ sở. Điều này, đặc biệt quan trọng trong giai đoạn sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, khi việc tạo sự đồng thuận xã hội phụ thuộc rất lớn vào năng lực tuyên truyền, vận động của đội ngũ cán bộ.

Thứ sáu, giảng viên cần gắn việc tuyên truyền tác phẩm với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong bối cảnh các thế lực thù địch lợi dụng quá trình tinh gọn bộ máy để xuyên tạc chủ trương của Đảng, giảng viên cần giúp học viên nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bằng lập luận khoa học, dựa trên giá trị bền vững của tư tưởng V.I.Lênin. Qua đó, khẳng định rằng chủ trương sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính ở Việt Nam hiện nay là sự vận dụng sáng tạo và phù hợp tư tưởng “*Thà ít mà tốt*”, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Hơn một thế kỷ đã trôi qua, những tư tưởng, quan điểm của V.I.Lênin về tổ chức bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa vẫn giữ nguyên giá trị. Trong điều kiện Đảng, Nhà nước ta đã cơ bản thực hiện xong việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tiếp tục thực hiện có hiệu quả thì việc vận dụng tư tưởng này trong giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ mà còn đáp ứng yêu cầu thực tiễn của quá trình đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Lý luận, khi được vận dụng sáng tạo và phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương sẽ tiếp tục khẳng định vai trò định hướng và dẫn dắt đối với thực tiễn./.

Tài liệu tham khảo

1. <https://vov.vn/chinh-tri/thai-nguyen-sap-xep-bien-che-de-van-hanh-hieu-qua-mo-hinh-chinh-quyen-2-cap-post1217292.vov>
2. V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.45, tr.44

GẮN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ....

(Tiếp theo trang 5)

Thứ tư, tiếp tục xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghiên cứu khoa học. Nhà trường cần khuyến khích giảng viên tăng cường đi nghiên cứu, khảo sát thực tế tại cơ sở, tham gia các đề tài nghiên cứu liên quan đến quản lý nhà nước ở địa phương. Qua đó, từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu và khả năng gắn kết giữa lý luận với thực tiễn trong hoạt động giảng dạy.

Trong bối cảnh đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, việc nâng

cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở. Đối với các trường chính trị tỉnh, việc gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học với thực tiễn hoạt động của chính quyền cấp xã không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ mà còn cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

Thông qua việc tăng cường gắn kết giữa hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học với thực tiễn hoạt động của chính quyền cấp xã, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên sẽ tiếp tục khẳng định vai trò là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học chính trị, hành chính của tỉnh, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị ở cơ sở trong giai đoạn phát triển mới./.

LỒNG GHÉP NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY CÁC PHẦN HỌC DO KHOA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT ĐẢM NHIỆM

ThS Hứa Thị Minh Hồng

Giảng viên, Khoa Nhà nước và pháp luật

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã thông qua nhiều văn kiện có ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Các văn kiện của Đại hội chính là sự kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn. Vì vậy, việc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là nhiệm vụ cấp bách, cần phải làm ngay đối với các cấp ủy, tổ chức Đảng. Nhận thức rõ điều đó, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã xác định việc học tập, quán triệt lồng ghép và đưa nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vào nghiên cứu, giảng dạy, học tập là nhiệm vụ chính trị quan trọng, có ý nghĩa to lớn, thiết thực trong việc tạo sự chuyển biến về nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong toàn thể cán bộ, giảng viên và học viên, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

Sau khi được tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt thực hiện Nghị quyết, về cơ bản, cán bộ, giảng viên nắm vững tư tưởng, nội dung Nghị quyết và bước đầu áp dụng vào công tác chuyên môn. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã chỉ đạo các khoa, phòng bám sát nội dung Văn kiện Đại hội, nhanh chóng cập nhật, bổ sung vào bài giảng và nghiên cứu khoa học. Theo đó, Khoa Nhà nước và pháp luật được giao giảng dạy 4 phần học của Chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính

trị (bao gồm: Phần C.II Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam; Phần D.I. Quản lý hành chính nhà nước; Phần D.II Kỹ năng lãnh đạo, quản lý; phần E.II Kiến thức bổ trợ); chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã; bồi dưỡng các chức danh chuyên môn của chính quyền cấp cơ sở và các chương trình bồi dưỡng khác do Nhà trường giao.

Trong thời gian qua, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các giảng viên của Khoa Nhà nước và pháp luật đã luôn chủ động, tích cực trong cập nhật văn bản, nắm vững quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đảm bảo tính đúng đắn, chính xác và hợp lý. Trong đó, việc lồng ghép nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vào các chương trình, phần học do Khoa Nhà nước và pháp luật đảm nhiệm là một yêu cầu, nhiệm vụ đối với mỗi giảng viên của khoa. Trong đó, tập trung vào việc phát huy tính tích cực trong học tập, nghiên cứu nắm chắc, hiểu sâu những nội dung cốt lõi, mới và phát triển trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng; lựa chọn, xác định nội dung phù hợp đưa vào giảng dạy. Việc đưa nội dung Nghị quyết vào thực hiện ngay từ khâu thiết kế nội dung chủ đề bài giảng, thực hành giảng bài và luôn bảo đảm tính khoa học; tránh hiện tượng vận dụng chung chung, không sát với nội dung môn học, bài học hoặc ngẫu hứng, tùy tiện...

Do đó, mỗi giảng viên phải nghiên cứu, lựa chọn nội dung, đưa vào từng bài giảng một cách phù hợp, để vừa đạt được mục tiêu quán triệt, cụ thể hóa nội dung Nghị quyết, đảm bảo các nội dung của chương trình, phần học, bài giảng vừa không ảnh hưởng đến kết cấu chương trình và thời gian đã được quy định cho chương trình, phần học, bài giảng; đồng thời, vừa phù hợp với từng đối tượng học viên, tạo ra sự hứng thú cho người học khi tham gia nghiên cứu học tập và tham luận những nội dung liên quan đến chính nhiệm vụ công tác mà họ đang đảm nhiệm. Cụ thể, gắn với chuyên môn của Khoa Nhà nước và pháp luật có thể lựa chọn đưa vào bài giảng những nội dung cơ bản của Nghị quyết như sau:

1. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Với quan điểm chỉ đạo: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đoàn kết thống nhất; vận hành thông suốt, đồng bộ, hiệu quả tổ chức bộ máy mới của hệ thống chính trị; nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và năng lực quản lý, quản trị, kiến tạo phát triển của Nhà nước”. Nghị quyết xác định một trong những định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đó là: “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân. Nghiên cứu tổng kết, sửa đổi tổng thể Hiến pháp năm 2013 phù hợp với

thực tiễn, yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới”. Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục khẳng định yêu cầu xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân. Điểm mới là nhấn mạnh đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm giải trình, lấy hiệu quả phục vụ làm thước đo đánh giá. Trong đó, nhấn mạnh tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương, đi đôi với hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực. Đây là bước phát triển nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương, đồng thời, bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước.

Đây cũng là những nội dung có tính cốt lõi thuộc bài Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và bài Chính quyền địa phương ở Việt Nam (phần C.II Chương trình Trung cấp lý luận chính trị).

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV của Đảng được nêu trong Nghị quyết Đại hội, đó là: “Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hoà giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế - xã hội, môi trường với quốc phòng - an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới”. Việc hoàn thiện thể chế theo hướng “đi trước một bước”, mở đường và kiến tạo phát triển nhằm khơi thông các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh cũng như an sinh xã hội của đất nước. Thay đổi trong quy trình xây dựng pháp luật không

chỉ chú trọng ban hành luật mà còn đặc biệt quan tâm đến khâu thực thi pháp luật. Làm sao để luật được ban hành thực sự đi vào đời sống, có hiệu lực và hiệu quả nhanh nhất, sớm nhất. Đây là sự đổi mới mạnh mẽ về tư duy và hành động, khẳng định pháp luật chính là động lực quan trọng nhất để phát triển đất nước trong giai đoạn tới. Do đó, nội dung này cần được lồng ghép, phổ biến, quán triệt trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là 2 bài phần C.II chương trình Trung cấp lý luận chính trị (Pháp luật và hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa; Thực hiện và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa).

3. Về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Trong quan điểm chỉ đạo xác định việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đoàn kết thống nhất; vận hành thông suốt, đồng bộ, hiệu quả tổ chức bộ máy mới của hệ thống chính trị; nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và năng lực quản lý, quản trị, kiến tạo phát triển của Nhà nước gắn với “không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, năng lực, uy tín”, trong đó, “tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, trọng tâm là cấp chiến lược và cấp cơ sở, nhất là người đứng đầu”. Đây là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, Nghị quyết cũng xác định một trong ba chiến lược đột phá, đó là: “Tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm khách quan, dân chủ, thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ theo đúng chủ trương “có vào, có ra”,

“có lên, có xuống”. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của hệ thống chính trị, nhất là cán bộ cấp chiến lược và cấp cơ sở thật sự tiêu biểu, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước”.

Với nội dung này, giảng viên cần cập nhật, lựa chọn số liệu cụ thể, chính xác để quán triệt, lồng ghép vào các chuyên đề có nội dung về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng sao cho phù hợp với đặc thù lớp học và đối tượng học viên. Có thể lồng ghép trong bài 2. “Quản lý cán bộ, công chức ở cơ sở”, bài 11. “Một số vấn đề về cải cách hành chính ở cơ sở” (phần D.I chương trình Trung cấp lý luận chính trị). Tham mưu xây dựng, nghiên cứu, lồng ghép vào các chuyên đề trong chương trình bồi dưỡng các chức danh chủ chốt, chuyên môn ở cấp xã do khoa phụ trách bảo đảm tính thời sự, cập nhật, chuyên sâu vào nội dung gắn với đối tượng bồi dưỡng.

4. Về thực hiện pháp luật dân chủ ở cơ sở

Thực hiện dân chủ, tôn trọng và bảo đảm trên thực tế quyền dân chủ của Nhân dân là vấn đề có ý nghĩa sống còn không chỉ đối với nhà nước mà còn là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới, của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Nghị quyết đưa ra quan điểm “Thắt chặt mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của Nhân dân; tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ”. Để thực hiện ngày càng rộng rãi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn 2026 - 2030 cần “Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, Nhân dân

là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu”.

Nội dung về thực hiện pháp luật dân chủ ở cơ sở cần được lồng ghép vào giảng dạy ở hầu hết các chuyên đề trong công tác xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật, quản lý nhà nước. Ví dụ: bài Pháp luật thực hiện dân chủ ở cơ sở (phần E.II), bài Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ở cơ sở (phần D.II) trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị; chuyên đề văn hóa công sở trong các chương trình bồi dưỡng...

5. Quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực

Trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị và các chương trình bồi dưỡng do Khoa Nhà nước và pháp luật phụ trách, Khoa luôn chú trọng việc xây dựng kết cấu, nội dung các chuyên đề theo hướng cụ thể, thiết thực, phù hợp. Vì vậy, việc lồng ghép nội dung Nghị quyết XIV của Đảng về các lĩnh vực để cụ thể hóa trong công tác quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực này là rất quan trọng. Cụ thể:

- Về kinh tế: Với mục tiêu “đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao”, định hướng phát triển “Xác lập mô hình tăng trưởng mới với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao, trọng tâm là kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh,

chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực...”. Đây là những nội dung quan trọng mà giảng viên cần quán triệt lồng ghép vào nội dung bài giảng và từ mục tiêu, quan điểm của Đảng, giảng viên tiến hành phân tích sự cụ thể hóa trong công tác quản lý nhà nước về kinh tế sao cho phù hợp với nội dung, đặc thù của địa phương, cơ sở.

- Về văn hóa, xã hội: Trong giai đoạn hiện nay, để đạt được mục tiêu phát triển đất nước “giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”, trong công tác quản lý nhà nước cần có biện pháp tích cực để cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo “Khơi dậy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; phát huy sức mạnh văn hoá, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực mạnh mẽ cho sự phát triển”. Nghị quyết đã đề ra định hướng “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Phát triển toàn diện con người Việt Nam về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số”. Nội dung này, cần được lồng ghép và cụ thể hóa trong bài giảng về quản lý hoạt động văn hóa ở cơ sở hay văn hóa công sở, kỹ năng giao tiếp hành chính...

- Về giáo dục, đào tạo; y tế; khoa học, công nghệ: Lồng ghép các định hướng: “Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới. Nhận thức sâu sắc, đầy đủ và thực hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc; phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân...”; “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”.

(Xem tiếp trang 23)

CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM TRONG BẢO VỆ QUY ĐỊNH SỐ 144-QĐ/TW, NGÀY 09/5/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI TRƯỚC LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH

ThS Nguyễn Ngọc Minh
Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Ngày 09/5/2024, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới (Quy định số 144-QĐ/TW) với 5 điều cốt yếu rất rõ ràng: Yêu nước, tôn trọng Nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc; Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập; Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Đoàn kết, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm; Gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời. Quy định được hiện thực hóa trong thực tiễn, góp phần phòng ngừa sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, sự “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tình trạng tham ô, tham nhũng, tiêu cực, xa dân, ham hư danh, ưa chức quyền để mưu lợi cho cá nhân, cho nhóm lợi ích...

Tuy nhiên, trên Facebook, YouTube, TikTok, Twitter (dưới dạng bài viết, video ngắn, livestream) các thể lực thù địch luôn tìm mọi cách bóp méo quan điểm, đường lối của Đảng ta bằng các luận điệu giả dối, như: Quy định nêu ra yêu cầu đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện “*chỉ là hình thức để đánh lừa dư luận*”; Đảng Cộng sản Việt Nam “*nói một đằng làm một nẻo*”, 5 điều trong Quy định này “*hoàn toàn không có giá trị*” trong cuộc sống hằng ngày... Đó là những luận điệu xuyên tạc, vô căn cứ của các thể lực thù địch, chúng cố tình tìm cách phá hoại, phủ nhận truyền thống lịch sử của dân tộc Việt

Nam; hòng làm xói mòn niềm tin của Nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trước những luận xuyên tạc, vô căn cứ của các thể lực thù địch, đội ngũ cán bộ, đảng viên giữ trọng trách quan trọng trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung, Quy định số 144-QĐ/TW nói riêng. Trọng trách đó được thể hiện ở một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, bảo vệ bằng nhận thức đúng và niềm tin chính trị vững vàng là yêu cầu có ý nghĩa quyết định. Cán bộ, đảng viên cần nhận thức sâu sắc Quy định số 144-QĐ/TW không phải là giải pháp mang tính tình thế mà là yêu cầu nội tại, tất yếu của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn mới. Khi có nhận thức đúng và niềm tin chính trị vững chắc, mỗi cán bộ, đảng viên sẽ hình thành được “lá chắn” đầu tiên để chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch và những thông tin xuyên tạc. Đồng thời, cần hiểu rõ Quy định không chỉ là khuôn khổ mang tính ràng buộc mà còn là chuẩn mực để mỗi cá nhân thường xuyên tự soi, tự sửa, tự rèn luyện và tự hoàn thiện mình trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Vì vậy, việc học tập, quán triệt và thực hiện Quy định phải gắn chặt với trách nhiệm cá nhân và kết quả công việc cụ thể, khắc phục triệt để tình trạng học tập hình thức, đối phó, “học cho xong”, “ký cam kết cho đủ” nhưng thiếu chuyển biến trong hành động thực tiễn.

Thứ hai, luận giải và chứng minh rõ nét việc xây dựng Đảng về đạo đức không phải là vấn đề mới được đặt ra mà đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra từ rất sớm. Ngay trong tác phẩm “*Đường Cách mệnh*” (1927), Người đặt lên hàng đầu 23 tiêu chí về tư cách một người cách mệnh, trong đó chỉ rõ: “Cần kiệm, Cả quyết sửa lỗi mình, Không hiểu danh, Không kiêu ngạo, Nói thì phải làm, Hy sinh, Ít lòng ham muốn về vật chất”. Trong thư gửi Ủy ban nhân dân các cấp ngày 17/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra những lỗi lầm mà một số cán bộ, công chức đã phạm phải, như: *Trái phép, Cậy thế, Hủ hóa, Tư túng, Chia rẽ, Kiêu ngạo*, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, Chính phủ và niềm tin của Nhân dân. Đặc biệt, trong tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*” (1947), gồm 6 phần: Phê bình và sửa chữa; Mấy vấn đề kinh nghiệm; Tư cách và đạo đức cách mạng; Vấn đề cán bộ; Cách lãnh đạo; Chống thói ba hoa. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết dung dị nhưng lập luận chặt chẽ, câu từ sâu sắc, toàn diện. Người đặc biệt tập trung nhiều nhất ở phần III - Tư cách và đạo đức cách mạng. Tại đây, Người yêu cầu mỗi đảng viên phải thực hiện một cách nghiêm túc mối quan hệ giữa lời nói và việc làm “chúng ta phải gắng học, đồng thời học thì phải hành” và nêu nhiệm vụ cụ thể của mỗi cán bộ đảng viên phải làm gì, làm như thế nào để thực hành lý luận. Đồng thời, Người chỉ rõ: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹. Trong bản Di chúc lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”².

Đảng Cộng sản Việt Nam qua nhiều nhiệm kỳ đã luôn đề cao đạo đức cách mạng, chú trọng giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, cụ thể như: Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” gắn với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (30/10/2016) về “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*” gắn với Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về những điều đảng viên không được làm. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ, cán bộ, đảng viên cần thấy rõ trách nhiệm, bổn phận của mình, luôn luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức và “không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng”. Không ngừng “Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng suốt đời, thường xuyên “tự soi”, “tự sửa” và nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên”³...

Rõ ràng, Quy định số 144-QĐ/TW không chỉ có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc mà còn là cơ sở cho mỗi cán bộ, đảng viên nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định với lý tưởng cách mạng, với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; luôn cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gần dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân với tinh thần tin yêu, tôn trọng, gần bó máu thịt, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc và Nhân dân... Đó là minh chứng rõ nét nhất, khẳng định việc yêu cầu phải tu dưỡng, thực hành đạo đức cách mạng trong mọi hoàn

cảnh, mọi thời điểm đối với người cán bộ, đảng viên là xuyên suốt và nhất quán từ khi chuẩn bị thành lập Đảng cho đến nay, chứ không phải như những luận điệu xuyên tạc, bóp méo sự thật của các thế lực thù địch.

Thứ ba, để bảo vệ Quy định số 144-QĐ/TW, mỗi cán bộ, đảng viên còn phải được thể hiện bằng hành động nêu gương. Sức thuyết phục của các quy định về đạo đức không nằm ở khẩu hiệu hay lời tuyên truyền mà ở chính hành vi, lối sống, phong cách công tác của cán bộ, đảng viên. Khi mỗi đảng viên thực sự gương mẫu, liêm chính, trách nhiệm, gần dân, vì dân thì mọi luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch sẽ tự mất đi cơ sở tồn tại.

Thứ tư, cán bộ, đảng viên cần chủ động tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trên không gian mạng - nơi các thế lực thù địch triệt để lợi dụng để lan truyền thông tin sai lệch. Sự im lặng, né tránh hoặc thờ ơ trước cái sai, vô hình chung sẽ tạo “khoảng trống” cho các luận điệu xuyên tạc lan rộng, gây tác động tiêu cực đến nhận thức xã hội.

Trong bối cảnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã tổ chức thành công

và Nghị quyết Đại hội đang được triển khai sâu rộng vào thực tiễn, việc tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị trong toàn bộ hệ thống chính trị càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và mang tính cấp thiết. Do đó, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng về đạo đức; nêu cao tinh thần trách nhiệm trong nghiên cứu, học tập và tự giác rèn luyện theo các chuẩn mực đạo đức cách mạng được quy định tại Quy định số 144-QĐ/TW. Trên cơ sở đó, cán bộ, đảng viên chủ động phát hiện, kiên quyết đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, bóp méo quan điểm, đường lối của Đảng do các thế lực thù địch tung ra, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng./.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh - *Toàn tập*, Tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2011, tr. 292.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2021, tr. 183.

GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH VỚI CÔNG TÁC

(Tiếp theo trang 20)

đôi số quốc gia...”; “Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân...” vào trong nội dung giảng dạy quản lý hoạt động giáo dục, đào tạo; y tế; khoa học, công nghệ ở cơ sở, nhất là đối với các lớp mà đối tượng học viên là các cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác giáo dục, y tế, khoa học công nghệ.

Trên đây là những nội dung cơ bản nhằm lồng ghép nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vào

giảng dạy các chương trình, phần học do khoa Nhà nước và pháp luật đảm nhiệm. Với phương thức lồng ghép, sự sáng tạo, linh hoạt, khả năng kết hợp nhuần nhuyễn các nội dung Nghị quyết vào phần học của giảng viên sẽ giúp học viên nắm vững nội dung cơ bản về pháp luật, quản lý nhà nước nói chung và những nội dung cơ bản trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nói riêng. Qua đó, giúp cho học viên củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia vào các phong trào thi đua yêu nước, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng đất nước ngày càng phát triển, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc./.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 79-NQ/TW, NGÀY 06/01/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Hải Yến
Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 79-NQ/TW) ra đời có ý nghĩa tái định vị vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn mới. Nghị quyết đặt ra quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn và đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp mang tính hệ thống nhằm nâng cao vai trò chủ đạo, dẫn dắt và hiệu quả của kinh tế nhà nước. Sau khi Nghị quyết được ban hành, Chính phủ đã ban hành chương trình hành động để triển khai thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết.

Tỉnh Thái Nguyên có cơ cấu kinh tế tập trung vào lĩnh vực công nghiệp và có tiềm năng thu hút FDI lớn. Những định hướng của Nghị quyết số 79-NQ/TW có nhiều ý nghĩa tác động tích cực đối với tỉnh Thái Nguyên theo các khía cạnh sau:

Một là, tăng cường vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp nhà nước trong tỉnh đối với các ngành then chốt. Tại Thái Nguyên, các doanh nghiệp nhà nước (tập trung ở các lĩnh vực: luyện kim, năng lượng, hạ tầng...) có thể được yêu cầu đổi mới quản trị, áp dụng tiêu chuẩn OECD để làm đầu tàu dẫn dắt chuỗi cung ứng, liên kết với các doanh nghiệp FDI lớn, nâng giá trị nội địa hoá. Điều này phù hợp với chiến lược công nghiệp hoá của tỉnh hiện nay.



Cán bộ, đảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham gia Hội nghị toàn quốc về nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW về phát triển kinh tế Nhà nước và Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam của Bộ Chính trị.

Hai là, tận dụng cú huých thể chế để thu xếp, sử dụng hiệu quả hơn nguồn lực địa phương. Nghị quyết tạo cơ sở để tỉnh phản biện, đề xuất cơ chế đặc thù trong phân bổ vốn, sử dụng đất công, hợp tác công - tư (PPP) và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhà nước đổi mới. Với quy mô xuất khẩu và thu hút vốn FDI lớn (năm 2025, tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 29,92 tỷ USD, đứng thứ 6 toàn quốc), việc nâng cao hiệu quả quản lý tài sản và vốn nhà nước sẽ góp phần tăng tính chủ động của tỉnh.

Ba là, đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI và khu vực tư nhân địa phương. Chiến lược mới khuyến khích các mô hình liên kết, doanh nghiệp nhà nước làm “đầu tàu” về hạ tầng, nghiên cứu và phát triển (R&D); FDI cung cấp

công nghệ, chuỗi xuất khẩu; doanh nghiệp tư nhân địa phương tham gia cung ứng phụ trợ. Ở Thái Nguyên, với mạng lưới doanh nghiệp chế tạo, điện tử mạnh, đây là cơ hội để nâng tỷ lệ nội địa hoá, nâng cao chuỗi giá trị.

Bốn là, tăng yêu cầu về quản trị, minh bạch và nhân lực chất lượng cao. Áp dụng chuẩn quản trị quốc tế đòi hỏi nâng trình độ quản trị, minh bạch, kiểm soát nội bộ, cùng chính sách thu hút nhân sự chất lượng cao. Đây là nhiệm vụ quan trọng cho cả các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và chính quyền tỉnh.

Năm là, hướng tới phát triển xanh, chuyển đổi số và an ninh kinh tế địa phương. Nghị quyết khuyến khích kinh tế nhà nước tham gia dẫn dắt chuyển đổi số, kinh tế xanh, phù hợp với định hướng Thái Nguyên phát triển bền vững, ứng dụng khoa học và công nghệ làm đột phá.

Với những nhận thức về chiều hướng tác động như trên, xin đề xuất một số giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW ở tỉnh Thái Nguyên, như sau:

Thứ nhất, tổ chức thực hiện nghiêm túc Kế hoạch hành động số 50-KH/TU, ngày 11/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế Nhà nước. Trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đưa ra nhiệm vụ, giải pháp chung và 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể: đối với đất đai, tài nguyên; đối với tài sản kết cấu hạ tầng; đối với ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống; đối với doanh nghiệp nhà nước; đối với các tổ chức tín dụng nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng đã giao nhiệm vụ cụ thể tới các cấp ủy Đảng, chính quyền và các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế nhà nước.

Thứ hai, nâng cao quản trị các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn. Áp dụng chuẩn quản trị theo nguyên tắc OECD cho các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước chủ lực của tỉnh; xây chương trình đào tạo quản trị viên, kiểm toán nội bộ, minh bạch hoá báo cáo. Cải tổ công ty nhà nước hoạt động kém hiệu quả: cổ phần hoá có lộ trình, giữ lại nhân tố chiến lược, minh bạch giá trị tài sản, xử lý nợ, tạo động lực cạnh tranh, có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nội địa hoá công nghệ, nâng cấp nhà cung cấp địa phương.

Thứ ba, đẩy mạnh kết nối doanh nghiệp nhà nước - doanh nghiệp FDI - doanh nghiệp địa phương. Thiết kế chương trình liên kết công - tư để doanh nghiệp nhà nước đầu tư hạ tầng logistics, khu công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, thu hút doanh nghiệp phụ trợ cho Samsung và nhà máy điện tử khác. Có chính sách ưu đãi có điều kiện cho nhà cung cấp nội địa (đạt chuẩn chất lượng) để tham gia chuỗi giá trị xuất khẩu.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ và chuyển đổi số. Đầu tư vào đào tạo nghề chất lượng cao phù hợp chuỗi giá trị điện tử - chế tạo - luyện kim. Hỗ trợ doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng chuyển đổi số trong hoạch định năng lực doanh nghiệp, quản trị chuỗi cung ứng, quản lý năng lượng, để tăng năng suất và giảm phát thải.

Thứ năm, bảo đảm bền vững, an ninh kinh tế và quản trị rủi ro. Xây dựng khung quản trị rủi ro cho các dự án trọng điểm (rủi ro chuỗi cung ứng, biến động xuất khẩu). Ưu tiên các dự án xanh, tiết kiệm năng lượng trong các doanh nghiệp nhà nước.

Nghị quyết số 79-NQ/TW định vị lại vai trò kinh tế nhà nước theo hướng hiện đại, minh bạch và hội nhập quốc tế. Đối với Thái Nguyên - nơi công nghiệp đóng vai trò trụ cột và có hệ sinh thái FDI lớn, Nghị quyết mở ra cơ hội để tái cấu trúc nguồn lực nhà

(Xem tiếp trang 28)

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

ThS Lương Thu Hà

*Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo và
nghiên cứu khoa học*

Chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu, tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục và đào tạo. Đối với hệ thống các trường chính trị, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đặt ra yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, tính kịp thời, sự chuẩn hóa và khả năng thích ứng với bối cảnh mới. Vì vậy, nâng cao chất lượng công tác quản trị nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng gắn với chuyển đổi số không chỉ là yêu cầu khách quan mà còn là giải pháp quan trọng để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị được giao.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã từng bước triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong quản trị Nhà trường, coi đây là khâu đột phá nhằm đổi mới phương thức điều hành, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở cơ sở.

Trong thời gian qua, công tác chỉ đạo, điều hành triển khai chuyển đổi số gắn với nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên luôn được thực hiện nghiêm túc, nhanh chóng, kịp thời. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển của đơn vị. Các chủ trương, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin được quán triệt kịp thời, nghiêm túc đến toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức.

Việc triển khai không dừng lại ở nhận thức mà được cụ thể hóa bằng kế hoạch hành

động hằng năm, phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng khoa, phòng, cá nhân phụ trách. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, bảo đảm các nhiệm vụ chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, gắn chặt với nhiệm vụ chuyên môn. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn đổi mới phương thức quản trị điều hành trên nền tảng số. Nhà trường đã đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản điện tử, bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý, phát hành và lưu trữ văn bản được thực hiện nhanh chóng, chính xác. Thông qua hệ thống này, các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan, đơn vị liên quan được cập nhật kịp thời, giúp giảng viên, viên chức chủ động nghiên cứu, triển khai thực hiện.

Ban Giám hiệu thực hiện giao việc, theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các khoa, phòng thông qua hệ thống điện tử, góp phần nâng cao tính minh bạch, khách quan trong quản lý; giảm thiểu tình trạng chậm trễ, thất lạc văn bản; tiết kiệm thời gian và chi phí hành chính.

Công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng được đổi mới theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ số. Hệ thống quản lý học viên được xây dựng trên nền tảng dữ liệu điện tử, theo dõi đầy đủ thông tin cá nhân, quá trình học tập, rèn luyện, kết quả kiểm tra, thi cử của từng học viên theo mã số riêng. Nhà trường đã triển khai công nghệ nhận diện khuôn mặt trong điểm danh, kiểm soát việc tham gia học tập của học viên. Giải pháp này, góp phần nâng cao tính chính xác, khách quan, hạn chế tình trạng học hộ, điểm danh thay, đồng thời,

tạo nền tảng cho việc xây dựng môi trường đào tạo hiện đại, chuyên nghiệp. Kết quả học tập và điểm thi được cập nhật, lưu trữ trên hệ thống cơ sở dữ liệu đào tạo, tạo thuận lợi cho việc tổng hợp, báo cáo và tra cứu khi cần thiết. Đây là bước tiền quan trọng trong việc chuẩn hóa quy trình quản lý đào tạo, từng bước hình thành cơ sở dữ liệu số đồng bộ của Nhà trường.

Thời gian qua, việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng trong bối cảnh chuyển đổi số của Nhà trường đạt được kết quả khả quan. Năm 2025, Nhà trường đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng 25 lớp với tổng số 1.381 học viên; trong đó, 13 lớp Trung cấp lý luận chính trị với 749 học viên; 12 lớp bồi dưỡng với 632 học viên, gồm: 01 lớp Bồi dưỡng công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương (63 học viên); 02 lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên và tương đương (107 học viên); 02 lớp Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương (120 học viên); 06 lớp Bồi dưỡng cho các hội, các tổ chức chính trị - xã hội (342 học viên).

Việc tổ chức các lớp học cơ bản bảo đảm đúng kế hoạch, đúng quy chế, chất lượng từng bước được nâng lên. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý lớp học, điểm danh, theo dõi kết quả học tập góp phần nâng cao tính nghiêm túc, nền nếp trong đào tạo.

Năm 2026, theo Kế hoạch số 94-KH/TU, ngày 07/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, Nhà trường đã được Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt 62 lớp, bao gồm: 20 lớp Trung cấp lý luận chính trị (12 lớp chuyển tiếp từ năm 2025, 08 lớp mở mới năm 2026); 42 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng công tác; phối hợp với các sở, ngành tổ chức bồi dưỡng theo vị trí việc làm, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Quy mô đào tạo, bồi dưỡng tăng mạnh đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác quản trị, điều hành, đặc biệt việc ứng dụng đồng bộ các giải pháp chuyển đổi số để bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, Nhà trường cũng có những thuận lợi, như sau:

Thứ nhất, Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự hướng dẫn chuyên môn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương trong tỉnh.

Thứ hai, Ban Giám hiệu xác định rõ vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo. Nhận thức của đội ngũ giảng viên, viên chức về chuyển đổi số từng bước được nâng cao, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

Thứ ba, hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được đầu tư, nâng cấp; các phần mềm quản lý văn bản, quản lý đào tạo và quản lý học viên được đưa vào sử dụng, tạo nền tảng quan trọng cho quá trình đổi mới quản trị Nhà trường.

Thứ tư, đội ngũ viên chức và người lao động có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, chủ động khắc phục khó khăn, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình chuyển đổi số trong quản trị đào tạo, bồi dưỡng vẫn còn một số khó khăn nhất định:

Một là, hạ tầng công nghệ thông tin chưa thật sự đồng bộ; các phần mềm quản lý còn phân tán, chưa tích hợp thành hệ thống dữ liệu thống nhất, dẫn đến hiệu quả khai thác chưa cao.

Hai là, năng lực ứng dụng công nghệ số của một bộ phận giảng viên, viên chức chưa đồng đều; việc khai thác các nền tảng số trong giảng dạy và quản lý còn hạn chế.

Ba là, một số quy trình quản lý vẫn thực hiện song song giữa phương thức truyền thống và điện tử, làm giảm hiệu quả của chuyển đổi số.

Bốn là, công tác phối hợp với một số cơ quan, đơn vị trong tuyển sinh, chiêu sinh, cập

nhật hồ sơ học viên có thời điểm chưa thật sự chủ động, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản trị Nhà trường gắn với chuyển đổi số, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Giám hiệu đối với nhiệm vụ chuyển đổi số; xây dựng kế hoạch triển khai đồng bộ, gắn chặt với nhiệm vụ chuyên môn và lộ trình phát triển Nhà trường.

Hai là, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin và các nền tảng số, chuẩn hóa, tích hợp cơ sở dữ liệu về đào tạo, bồi dưỡng và học viên; tiến tới xây dựng hệ sinh thái quản trị số thống nhất, liên thông giữa các bộ phận.

Ba là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ quy trình đào tạo, từ quản lý học viên, tổ chức lớp học, kiểm tra, đánh giá đến quản lý hồ sơ; đồng thời khuyến khích giảng viên ứng dụng các công cụ công nghệ trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng truyền đạt kiến thức.

Bốn là, nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên và viên chức thông qua các

lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin, phương pháp giảng dạy trên nền tảng số, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh mới.

Năm là, tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tuyển sinh, tổ chức lớp học và quản lý học viên; hoàn thiện quy trình phối hợp, bảo đảm sự thống nhất, kịp thời và hiệu quả.

Chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ mà là quá trình đổi mới toàn diện phương thức quản trị, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, việc nâng cao chất lượng công tác quản trị nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng trong bối cảnh chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu nhằm đáp ứng nhiệm vụ đào tạo cán bộ trong tình hình mới. Với sự quan tâm lãnh đạo của các cấp, sự quyết tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giảng viên, công tác quản trị đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường sẽ tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới..

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ...

(Tiếp theo trang 25)

nước, nâng tầm doanh nghiệp nhà nước, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị và tăng giá trị nội địa hoá. Tuy nhiên, thành công phụ thuộc vào cách thức triển khai, hoàn thiện thể chế cấp tỉnh, nâng cao quản trị, liên kết doanh nghiệp nhà nước - doanh nghiệp FDI - doanh nghiệp địa phương, phát triển nhân lực và đảm bảo phát triển bền vững./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, *Các Văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, năm 2025.*

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV.*

3. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế Nhà nước.*

4. Chính phủ, *Nghị quyết số 29/NQ-CP, ngày 24/02/2026 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/ 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế Nhà nước.*

5. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, *Kế hoạch hành động số 50-KH/TU, ngày 11/02/2026 thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế Nhà nước.*

6. TS Nguyễn Minh Phong, *Ba điểm mới nổi bật về phát triển kinh tế nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị*, Báo điện tử Quân đội nhân dân, ngày 25/02/2026.

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH NHẪM XUYỀN TẠC VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ThS Nguyễn Thị Dân

Giảng viên, Khoa Xây dựng Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện từ mùa xuân năm 1930, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trên cơ sở những thành tựu đạt được của đất nước, trong bài phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹⁾.

Hiện thực lịch sử vẻ vang đó được toàn dân tộc thừa nhận và tự hào, bạn bè quốc tế khâm phục, quý trọng. Đó là sự thật, không ai có thể phủ nhận. Tuy nhiên, các thể lực thù địch, phản động ở trong nước và ở nước ngoài vẫn cố tình xuyên tạc lịch sử Đảng, hòng hạ thấp và chống phá vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Có một số thể lực cố tình phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và tầm vóc, giá trị lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Họ coi đó chỉ là sự “ăn may” của Cộng sản, Việt Minh.

Thực tế lịch sử đã khẳng định, Cách mạng Tháng Tám là kết quả của quá trình chuẩn bị suốt 15 năm với sự lãnh đạo của Đảng. Trong phong trào giải phóng dân tộc, Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã phát triển, hoàn thiện đường lối, đặt mục tiêu giành độc lập dân tộc lên hàng đầu; xây dựng lực lượng chính trị rộng lớn, đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận Việt Minh; xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng rộng khắp trên cả nước; xác định phương pháp đấu tranh đi từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa giành độc lập và chính quyền; dự báo

và nắm bắt thời cơ cách mạng. Đó là những điều căn bản và quyết định thắng lợi của cách mạng. Điểm nổi bật có giá trị lý luận và thực tiễn của Cách mạng Tháng Tám là Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xử lý đúng đắn vấn đề tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ. Đảng đã lãnh đạo cách mạng giành thắng lợi trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương và trước khi quân Pháp quay lại. Cách mạng Tháng Tám là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã xóa bỏ chế độ phong kiến, thuộc địa, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945 - 1954) do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo là cuộc kháng chiến thần thánh, đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu”. Bạn bè quốc tế nhắc đến Điện Biên Phủ gắn liền với Việt Nam - Hồ Chí Minh - Võ Nguyên Giáp. Tuy nhiên, đến nay vẫn có thể lực cố tình xuyên tạc, cho rằng có thể tránh được cuộc chiến tranh “nếu phía Việt Nam không hiếu chiến”.

Sự thật lịch sử đã bác bỏ quan điểm đó, trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa”. Lập trường hòa bình, sự nhân nhượng của Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa rất rõ ràng. Khi kháng chiến diễn ra ở Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với J.Sainteny, Ủy viên Cộng hòa Pháp bản Hiệp định Sơ bộ 06/3/1946 và Tạm ước 14/9/1946 với mong muốn đàm phán.

3. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975), dân tộc Việt Nam đã trải qua bao khó khăn, hy sinh mới có hòa bình, độc lập, thống nhất Tổ quốc. Nhiều cựu chiến binh Mỹ khi trở lại Việt Nam đã nói về cuộc chiến tranh phi nghĩa của Chính phủ Mỹ và sám hối về tội ác do họ gây ra, mong muốn được góp phần khắc phục hậu quả chiến tranh, nhất là sự tàn phá của chất độc da cam/dioxin. Tuy nhiên, vẫn có những tiếng nói lạc lõng, trắng trợn, coi chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam là cuộc “nội chiến” giữa phe cộng sản và phe quốc gia. Đó là sự xuyên tạc lố bịch nhất.

Sau Hiệp định Geneva được ký kết (tháng 7/1954), Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Ở miền Nam, Mỹ dựng lên chính quyền Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống, mưu toan chia cắt lâu dài nước Việt Nam. Chính quyền này dựng lên là bất hợp pháp, giả hiệu; là phản dân, hại nước. Họ không đại diện cho quốc gia, dân tộc dù họ tự gọi mình là “chính phủ quốc gia”, “chính nghĩa quốc gia”. Ngày 13/5/1957, tại Mỹ, Ngô Đình Diệm trắng trợn tuyên bố: “Biên giới của Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17”⁽²⁾. Hành động thực tế đã cho thấy bản chất của một chính quyền tay sai, lệ thuộc vào Mỹ. Sự thật, khi chính quyền đó không còn giá trị lợi dụng thì Mỹ sẵn sàng gạt bỏ, “thay ngựa giữa dòng” qua cuộc đảo chính 01/11/1963.

Mỹ lần lượt thất bại trong mô hình “chiến lược thực dân kiểu mới” ở miền Nam Việt Nam như: rải chất độc hóa học ở miền Nam (10/8/1961); ném bom miền Bắc (05/8/1964); đưa quân Mỹ tham chiến ở miền Nam (08/3/1965); sử dụng vũ khí lớn ở Thành cổ Quảng Trị; ném bom Hà Nội, Hải Phòng (12/1972). Cuối cùng, quân Mỹ đã thất bại, chấp nhận ký Hiệp định Paris (27/01/1973), rút quân về nước. Cách mạng Việt Nam phát triển, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

4. Vào cuối thập niên 1980, đầu thập niên 1990, khi các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô lâm vào khủng hoảng, sụp đổ, các thế lực thù địch, cơ hội lợi dụng điều đó

để tiếp tục chống phá, khoét sâu vào những hạn chế, quy về sự sai lầm trong lựa chọn con đường, mô hình phát triển, mục tiêu là làm suy giảm niềm tin của người dân vào Đảng, vào chế độ. Trong bối cảnh ấy, việc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng càng trở nên cấp thiết. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định rõ: “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”⁽³⁾.

Đảng đã tỏ rõ bản lĩnh, trí tuệ và kinh nghiệm thực tiễn, đề ra các nguyên tắc chỉ đạo đổi mới kiên định con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ dứt khoát lựa chọn từ năm 1930; trung thành và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, bác bỏ đa nguyên, đa đảng; đề ra “Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (1991) và bổ sung, phát triển năm 2011. Nhờ vậy, công cuộc đổi mới qua 40 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực, có ý nghĩa lịch sử.

5. Năm 2025, khi Đảng và Nhà nước ta chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước, tạo tiền đề để đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Chủ trương này nhận được sự đồng thuận và ủng hộ rộng rãi từ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Sự ủng hộ này chính là nền tảng tinh thần vững chắc để Đảng và Nhà nước kiên quyết thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Song, với mục đích chống phá, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị đã và đang lợi dụng để phát tán nhiều luận điệu xuyên tạc, sai trái hòng gây hoang mang dư luận, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và làm suy giảm lòng tin của Nhân dân đối với

Đảng và Nhà nước ta. Đáng chú ý, các trang mạng phản động như Việt Tân, Chân Trời Mới Media, VOA Tiếng Việt, RFA... thường xuyên đăng tải thông tin sai lệch, công kích chủ trương của Đảng và Nhà nước. Chúng cố tình gán ghép những luận điệu như việc sáp nhập nhằm “thanh trừng phe cánh”, “tập trung quyền lực”, hay “che giấu tiêu cực”. Thậm chí, chúng còn vu cáo rằng Đảng và Nhà nước “không lắng ý kiến Nhân dân”, “không trung cầu dân ý”, nhằm bôi nhọ chính quyền và kích động tâm lý bất mãn trong Nhân dân. Đặc biệt, chúng còn phát tán thông tin giả, thông tin sai sự thật, cắt ghép, bóp méo các phát ngôn của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, nhằm gây hiểu lầm trong Nhân dân.

Về thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, các thế lực thù địch xuyên tạc chính quyền hai cấp là sự tập trung quyền lực, làm mất dân chủ ở cơ sở. Chúng cho rằng, mô hình này là “bỏ cấp chính quyền”, làm suy yếu vai trò quản lý nhà nước tại cơ sở; công kích vào vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, cho rằng, việc tinh gọn bộ máy là biểu hiện của “sự yếu kém trong quản lý, điều hành của Đảng và Nhà nước”. Chúng cho rằng, người dân không được tham gia vào quá trình ra quyết định của chính quyền hai cấp. Các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề sáp nhập các đơn vị hành chính để kích động tư tưởng cục bộ, tạo ra tâm lý đối kháng với chính quyền, âm mưu phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo ra sự chia rẽ trong hệ thống chính trị và trong cộng đồng dân cư. Chúng kích động tâm lý bất mãn trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là lợi dụng các trường hợp cán bộ, công chức bị tinh giản biên chế hoặc kỷ luật; xuyên tạc về hiệu quả của việc tinh giản bộ máy. Các thế lực thù địch tập trung khai thác, thổi phồng các khó khăn trong quá trình thực hiện tinh gọn bộ máy, như: Thiếu hụt nhân sự trong bộ máy hành chính; khó khăn trong việc tái bố trí, sắp xếp công việc cho những người bị tinh giản; đời sống của một số cán bộ, công chức sau khi bị tinh giản gặp nhiều khó khăn, tinh gọn bộ máy là “làm suy yếu hệ thống chính trị”.

Việc cải cách tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị không phải là vấn đề mới được Đảng và Nhà nước ta triển khai gần đây mà ngay sau thống nhất đất nước 1975, công tác sắp xếp, sáp nhập bộ máy nhà nước đã được thực hiện nhiều lần, từ quy mô nhỏ ở một số địa phương đến phạm vi rộng khắp cả nước. Thực tiễn này cho thấy, Đảng luôn nhận thức rõ những hạn chế, bất cập cần khắc phục, tuy nhiên quá trình thực hiện vẫn chưa đạt được những mục tiêu đề ra. Đặc biệt, sau 8 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chúng ta đã đạt được một số kết quả cơ bản như có sự chuyển biến tích cực trong đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị... Tuy nhiên, việc sắp xếp tổ chức bộ máy chưa đồng bộ, một số bộ, ngành còn ôm đồm nhiệm vụ của địa phương, dẫn đến tồn tại cơ chế xin - cho, dễ nảy sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực... Tổ chức bộ máy của một số cấp, ngành cơ bản vẫn giữ nguyên về số lượng, việc sắp xếp chưa gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả, xác định vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ... Tinh giản biên chế mới tập trung giảm số lượng, chưa gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ... Bộ máy cồng kềnh gây lãng phí và kìm hãm sự phát triển là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều chủ trương, chính sách của Đảng chậm đi vào thực tiễn cuộc sống hoặc một số chủ trương không được triển khai hoặc triển khai hình thức trên thực tế. Tầng nấc trung gian dẫn đến mất thời gian qua “nhiều cửa” thủ tục hành chính, gây cản trở, thậm chí tạo “điểm nghẽn”, làm lỡ cơ hội phát triển... Do đó, việc tiếp tục đẩy mạnh tinh gọn bộ máy tổ chức là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng hiệu quả hơn yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay.

Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là một chủ trương lớn của Đảng

(Xem tiếp trang 34)

THÁI NGUYÊN ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ GÓP PHẦN NÂNG CAO MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

ThS Phùng Thị Thu Phương

Giảng viên, Khoa Nhà nước và pháp luật

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đất nước ta. Việc triển khai cuộc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được diễn ra mạnh mẽ. Việt Nam thực hiện sáp nhập các tỉnh, thành - giảm từ 63 xuống còn 34, lần đầu tiên trong lịch sử nước nhà thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Cũng từ ngày 01/7/2025, hợp nhất tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, đơn vị hành chính mới chính thức đi vào hoạt động với tên gọi tỉnh Thái Nguyên. Ngay sau khi sáp nhập, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm chuyển đổi số mạnh mẽ, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân.

Đề phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp sau sáp nhập hành chính, Thái Nguyên đã coi chuyển đổi số là “kim chỉ nam” hành động nhằm xây dựng bộ máy vận hành số hiện đại, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, tỉnh đã triển khai nhiều biện pháp để chuyển đổi số với phương châm “Chuyển đổi số thực chất - Đổi mới sáng tạo vì người dân và doanh nghiệp”. Vì vậy, Thái Nguyên được đánh giá là một trong những địa phương đầu tiên của cả nước triển khai thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh và hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị.

Nhằm nâng cao dân trí số, phổ cập kỹ năng số cho người dân, hoạt động tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ. Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai đồng bộ, sâu rộng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Với nhiều cách làm sáng tạo, hơn 3.500 người có ảnh hưởng trong cộng đồng đã trực tiếp tham gia tuyên truyền, góp phần đưa tri thức số đến gần hơn với người

dân ở từng thôn, xóm, khu dân cư. Đối với học sinh, sinh viên trong các trường học, phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai đồng bộ, góp phần hình thành thể hệ công dân số tương lai. Đặc biệt, thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BTGDVTU, ngày 15/7/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Thái Nguyên, Trường Chính trị tỉnh đã đưa các chuyên đề chuyển đổi số vào các lớp tập huấn, bồi dưỡng của Nhà trường. Thông qua các lớp học, các phong trào, hoạt động tuyên truyền về chuyển đổi số đã góp phần quan trọng thúc đẩy xây dựng chính quyền số, xã hội số và công dân số trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

Thủ tục hành chính được tỉnh Thái Nguyên kiểm soát, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa, thực hiện công khai minh bạch. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, tỉnh đã công bố mới 875 thủ tục hành chính, 708 thủ tục hành chính được bãi bỏ. Đồng thời, những thủ tục này đã kịp thời cập nhật, tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của các đơn vị. Đặc biệt, ngay sau khi sáp nhập, đội ngũ công chức các xã, phường trên địa bàn tỉnh đã nhanh chóng thích ứng và phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động sắp xếp công việc để phục vụ người dân, giải quyết thủ tục hành chính nhanh gọn và hiệu quả hơn. Nhiều nỗ lực của cán bộ, công chức trong quá trình vận hành chính quyền địa phương hai cấp gắn với chuyển đổi số đã mang cho người dân niềm tin vào chính quyền thực sự gần dân, sát dân. Với sự quyết liệt trong chỉ đạo của lãnh đạo và quyết tâm của cán bộ, công chức góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của tỉnh lên 99,95%.

Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin và dữ liệu số luôn được tỉnh quan tâm phát triển đồng bộ. Với nhiều nỗ lực, tính đến tháng 9/2025 đã có 99,3% thôn bản phủ cáp quang, 95% dân số truy cập Internet tốc độ cao, 156 trạm 5G hoạt động, mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối thông suốt 100% cơ quan nhà nước.

Các nền tảng số dùng chung của tỉnh như: Hệ thống thư điện tử công vụ; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính... tiếp tục duy trì và vận hành ổn định. C-ThaiNguyen là ứng dụng được nhiều người dân và cán bộ ưa thích bởi cách thức sử dụng, đây được đánh giá là kênh tương tác hiệu quả giữa người dân và chính quyền. Bên cạnh đó, nền tảng G-ThaiNguyen - công cụ điều hành chiến lược cấp tỉnh đã kết nối trực tiếp với Hệ thống báo cáo Chính phủ.

Công tác xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số đạt được những kết quả quan trọng đã góp phần thay đổi diện mạo hệ thống hành chính, phương thức, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức. Đồng thời, tăng hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế số và mang lại lợi ích, thuận tiện và hiệu quả hơn trong tiếp cận các dịch vụ công và thông tin cho người dân, doanh nghiệp.

Sau hơn 01 tháng sáp nhập đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Thái Nguyên đã đứng đầu cả nước về chỉ số phục vụ người dân với mức độ hài lòng thường xuyên duy trì ở khoảng mức 17,86 điểm. Tính đến cuối năm 2025, tỉnh Thái Nguyên xếp thứ 6/34 tỉnh, thành phố trong tính điểm Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Trong đó có một số điểm chú ý như: điểm số trực nội dung Mức độ hài lòng 17,48/18 điểm; điểm số trực nội dung Công khai minh bạch đạt 15,61/18 điểm; điểm số trực nội dung Tiên

độ giải quyết đạt 19,62/20 điểm. Đặc biệt, đối với ngành y tế, chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công tỉnh đạt 91,61%, cao hơn mức trung bình chung của cả nước. Trong các nhóm chỉ số thành phần, nhóm khả năng tiếp cận dịch vụ có mức hài lòng cao nhất (95,4%), tiếp theo là nhóm minh bạch thông tin và thủ tục khám chữa bệnh (94,35%).

Mặc dù đã được đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, bố trí các phân khu chức năng, tuy nhiên, có những thời điểm việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân còn gặp nhiều khó khăn, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự thuận lợi, tổ chức, người dân, doanh nghiệp vẫn còn phải chờ đợi trong quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính... Nguyên nhân xuất phát từ số lượng hồ sơ nhiều, sự vận hành của Trung tâm hành chính công có thời điểm chưa ổn định, còn có lỗi về kỹ thuật; hạ tầng truyền dẫn tại địa bàn vùng sâu, vùng xa được đầu tư nhưng chưa đồng bộ. Ở một số xã vùng sâu, vùng xa còn có người dân chưa có điện thoại thông minh; một số ít thôn chưa có điện lưới quốc gia, chưa có sóng di động 3G/4G/5G.

Để vận hành chính quyền địa phương hai cấp gắn với chuyển đổi số đạt được hiệu quả cao, tăng chỉ số hài lòng của người dân và thực hiện mục tiêu sáp nhập tỉnh nhằm phát huy tiềm năng vùng, thúc đẩy phát triển bền vững, toàn diện và đồng bộ, trong thời gian tới, tỉnh Thái Nguyên cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đưa điện lưới quốc gia, đưa trạm phát sóng di động vào hoạt động đáp ứng nhu cầu sử dụng, liên lạc và truy cập Internet của người dân ở các vùng đồng bào còn khó khăn. Việc này, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đời sống người dân, bảo đảm an toàn thông tin liên lạc trong các tình huống khẩn cấp, góp phần quan trọng trong công tác chuyển đổi số của địa phương. Đặc biệt, giúp người dân có thể tiếp cận các dịch vụ trực tuyến, giáo dục từ xa, chăm sóc sức khỏe qua các nền tảng số, có khả năng phát triển các mô hình kinh tế mới như thương mại điện tử.

Thứ hai, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc chuyển đổi số, áp dụng công nghệ vào quản lý và sản xuất, các dịch vụ trực tuyến cơ bản của đời sống. Thông qua các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh từng bước làm chủ về công nghệ, chủ động tiếp cận, xây dựng các sản phẩm và sáng tạo các dịch vụ, giải pháp, mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng công nghệ số. Đồng thời, thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử có hiệu quả.

Thứ ba, quan tâm xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Để nâng cao hiệu quả xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước cần phải tiến hành rà soát, tăng cường việc bố trí phong phú các hình thức tiếp nhận góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức. Đồng thời, đẩy mạnh việc thực hiện

quy trình tiếp nhận, phân loại, chuyển phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy định.

Thứ tư, đối với cán bộ, công chức cần không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện đạo đức công vụ, kỹ năng giao tiếp để phục vụ người dân. Đồng thời, tỉnh Thái Nguyên cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức phù hợp với vị trí việc làm, có hiệu quả. Bên cạnh đó, tỉnh cũng cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kịp thời đề xuất xử lý sai phạm, khuyết điểm kéo dài; kiên quyết thay thế hoặc điều chuyển cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, chưa thực sự hết lòng phục vụ người dân, doanh nghiệp./

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI CỦA CÁC ...

(Tiếp theo trang 31)

và Nhà nước. Trong đó, sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp là một cuộc cách mạng toàn diện, nó không chỉ đóng góp về sự phát triển chính trị, kinh tế, xã hội mà còn mang lại hiệu quả và tác động tích cực, mạnh mẽ đến quá trình hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế và sự phát triển bền vững của đất nước. Việc thực hiện chính quyền địa phương hai cấp góp phần mở rộng không gian phát triển, tạo điều kiện thúc đẩy kết nối vùng, kết nối địa phương để đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, việc sắp xếp đơn vị hành chính cũng sẽ góp phần xây dựng bộ máy gọn nhẹ, minh bạch và năng động hơn, điều này sẽ làm giảm chi phí thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch và hiệu quả điều hành kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và các địa phương nói riêng. Qua đó, góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng

lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam. Việc thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, góp phần đưa chính quyền đến gần dân hơn, sát dân, giải quyết kịp thời, đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Đất nước và dân tộc Việt Nam do Đảng lãnh đạo đã, đang phát triển mạnh mẽ, vững chắc trên con đường đúng đắn dựa trên cơ sở khoa học và hiện thực. Mọi sự phá hoại, xuyên tạc lịch sử Đảng và sự lãnh đạo của Đảng không cản trở được khát vọng hòa bình, độc lập, thống nhất, hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc của dân tộc Việt Nam./

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tập I, trang 25.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, 06/02/2026.
3. “*Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*”, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H.2002, tr447.
4. Cuốn sách “*Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Tuyên ngôn độc lập đến Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*”, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân 2006

GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

ThS Bùi Thanh Thảo

Giảng viên, Khoa Xây dựng Đảng

Giảng dạy lý luận chính trị giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ. Đây không chỉ là hoạt động trang bị tri thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước mà còn góp phần hình thành bản lĩnh chính trị, phương pháp tư duy khoa học và phẩm chất đạo đức cách mạng cho người cán bộ. Thông qua việc học tập và vận dụng lý luận vào thực tiễn, đội ngũ cán bộ có cơ sở để nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, giữ vững lập trường tư tưởng và thực hiện tốt nhiệm vụ phục vụ Nhân dân và sự phát triển của đất nước.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với những thành tựu nổi bật của công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật hay điện toán đám mây đang tạo ra những thay đổi sâu sắc trong giáo dục nói chung và giảng dạy lý luận chính trị nói riêng. Trong bối cảnh mới của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hoạt động giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã có những bước chuyển biến nhằm thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo cán bộ. Nhà trường đã chỉ đạo đội ngũ giảng viên tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, sử dụng bài giảng điện tử, trình chiếu, khai thác nguồn học liệu số và các phương tiện hỗ trợ giảng dạy hiện đại. Qua đó, góp phần nâng cao tính trực quan, sinh động của bài giảng và tạo điều kiện để học viên tiếp cận tri thức một cách linh hoạt hơn.

Trong thực tiễn giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên thời gian qua cho thấy, sự phát triển của công nghệ số, internet và các nền tảng học tập trực tuyến đang tạo nhiều cơ hội đem lại sự đa dạng trong phương pháp giảng dạy, tăng tính trực quan, tương tác và tạo điều kiện cho người học tiếp cận nguồn tài liệu phong phú, cập nhật nhanh chóng. Việc tích cực ứng dụng công nghệ và các nền tảng trực tuyến không chỉ đa dạng hóa hình thức truyền tải, tăng tính trực quan và tương tác mà còn giúp người học tiếp cận hệ thống tư liệu phong phú, cập nhật. Những phương tiện hiện đại này đã thành công trong việc “mềm hóa” các nội dung lý luận vốn có tính trừu tượng cao, tăng cường sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, từ đó, khơi dậy hứng thú và tính chủ động của học viên.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay cũng đặt ra những thách thức hệ trọng, đặc biệt vấn đề kiểm soát thông tin trên không gian mạng trước sự thâm nhập của các quan điểm sai trái, lệch lạc. Đồng thời, thực tế này đòi hỏi đội ngũ giảng viên phải không ngừng chuẩn hóa năng lực công nghệ để thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ, trong đó, cần nhận diện một số vấn đề dưới đây:

Thứ nhất, đối với đội ngũ giảng viên

Mặc dù, cách mạng công nghiệp 4.0 đã trở thành nhân tố định hình các hoạt động kinh tế - xã hội, song một bộ phận giảng viên vẫn chưa có nhận thức đầy đủ về bản chất của việc ứng dụng công nghệ; vẫn còn tình trạng đồng nhất việc trình chiếu điện tử (PowerPoint) với việc đổi mới phương pháp

giảng dạy, lúng túng trong việc khai thác các thành tựu mới như trí tuệ nhân tạo (AI) trong soạn thảo và tổ chức bài giảng đang là một rào cản lớn. Đáng chú ý, việc sử dụng các “trợ lý ảo” (điển hình là ChatGPT) đang bộc lộ tính hai mặt. Một mặt, AI hỗ trợ đắc lực trong việc xây dựng các kịch bản tình huống, câu hỏi định hướng, giúp kết nối lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn một cách nhanh chóng. Mặt khác, sự tiện dụng này lại nảy sinh tâm lý lệ thuộc, làm suy giảm tư duy độc lập và tính sáng tạo của người dạy. Bên cạnh đó, tính xác thực của nguồn liệu số cũng là một thách thức; nếu thiếu kỹ năng thẩm định và đối chiếu với các văn bản chính thống, giảng viên dễ sa vào việc sử dụng thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng tiêu cực đến nội dung truyền thụ.

Thứ hai, đối với học viên

Với xu hướng “trẻ hóa”, học viên hiện nay có lợi thế lớn về kỹ năng thao tác công nghệ nhưng lại dễ lạm dụng công cụ này trong học tập. Thực tế cho thấy, thay vì tư duy độc lập để giải quyết các vấn đề thảo luận, nhiều học viên có thói quen sử dụng AI để tìm kiếm câu trả lời có sẵn. Hệ quả tất yếu của tình trạng này là sự hình thành “sức ỳ” trong tư duy; năng lực phân tích, phản biện bị thay thế bởi các thao tác sao chép máy móc. Kỹ năng quan trọng nhất của người học lý luận là tư duy hệ thống và vận dụng thực tiễn đang có nguy cơ bị thu hẹp thành kỹ năng tìm kiếm thuần túy. Việc sử dụng công nghệ thiếu tính khoa học không những không thúc đẩy tinh thần tự học mà còn làm suy giảm khả năng nghiên cứu chuyên sâu của học viên.

Thực tiễn đó, đặt ra yêu cầu phải đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị gắn với thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0; đồng thời, nâng cao năng lực công nghệ, năng lực nghiên cứu và khả năng vận dụng thực tiễn của đội ngũ giảng viên. Để góp phần nâng cao chất lượng

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong tình hình mới, xin đề xuất một số giải pháp sau:

*** Đối với giảng viên**

Một là, cần nâng cao nhận thức và năng lực công nghệ số cho đội ngũ giảng viên.

Nâng cao nhận thức cho giảng viên về việc sử dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giảng dạy lý luận chính trị là việc làm thiết thực, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong giảng dạy lý luận chính trị không chỉ là yêu cầu thực tiễn mà còn là trách nhiệm của mỗi cán bộ, giảng viên trong việc cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình. Bên cạnh đó, Nhà trường cần thống nhất nhận thức về ý nghĩa của việc áp dụng khoa học công nghệ vào nhiệm vụ chuyên môn trong tư tưởng và hành động từ Ban Giám hiệu đến các khoa, phòng, tạo sự đồng thuận trong toàn trường. Về năng lực, cần tổ chức các chương trình bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), thiết kế học liệu số và các công cụ trình chiếu tương tác. Hiện nay, với nguồn nhân lực dồi dào, Nhà trường cần ưu tiên đầu tư hạ tầng số đồng bộ (thiết bị dạy học hiện đại, hệ thống mạng không dây tốc độ cao). Đồng thời, cần có cơ chế thi đua, khen thưởng kịp thời để khuyến khích giảng viên chủ động nghiên cứu, chia sẻ các mô hình giảng dạy hiệu quả trong môi trường số.

Hai là, đổi mới quy trình soạn giảng và phương pháp tổ chức hoạt động học tập.

Trong kỷ nguyên số, giảng viên cần chuyển từ việc truyền thụ kiến thức sang vai trò định hướng tư duy. Thiết kế các bài tập tình huống buộc học viên phải trình bày toàn bộ quá trình tư duy (phân tích, lựa chọn thông tin, so sánh, phản biện) thay vì chỉ nộp kết quả cuối cùng. Tăng cường yếu tố phản biện

khoa học trong quá trình tương tác. Dù học viên có sử dụng công cụ hỗ trợ như AI, vẫn phải trực tiếp đối thoại, tranh luận với giảng viên và các học viên khác để làm rõ vấn đề. Cách làm này, giúp phân loại chính xác giữa học viên có tư duy độc lập và học viên sao chép máy móc.

Ba là, đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá và xây dựng hệ sinh thái học liệu.

Đổi mới đánh giá, đa dạng hóa hình thức kiểm tra bằng cách xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trên nền tảng số. Bên cạnh hình thức tự luận truyền thống, cần đẩy mạnh thi vấn đáp và các tình huống trí tuệ, bài tập tương tác được thiết kế qua AI để tăng tính hấp dẫn.

Xây dựng kho dữ liệu dùng chung, thiết lập kho học liệu số tập trung về nội dung lý luận chính trị và thực tiễn địa phương. Việc chia sẻ dữ liệu giữa các khoa giúp bài giảng có sự kết nối chặt chẽ, gắn lý luận với các tình huống chính trị - xã hội cụ thể của tỉnh Thái Nguyên, từ đó, nâng cao tính thuyết phục và tính ứng dụng của môn học.

*** Đối với học viên**

Một là, xác lập tư duy “người học là trung tâm” và nâng cao ý thức tự học trong môi trường số. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, học viên cần chủ động chuyển đổi từ tâm thế tiếp nhận thụ động sang tinh thần tự học, tự nghiên cứu. Việc khai thác kho tri thức khổng lồ và tư liệu phong phú trên Internet không chỉ là quyền lợi mà còn là trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên. Sự tự giác trong học tập lý luận chính trị hiện nay chính là minh chứng cho thái độ chính trị nghiêm túc, giúp học viên không ngừng trau dồi hệ thống lý luận cốt lõi, từ đó, làm nền tảng vững chắc cho quá trình công tác tại địa phương, đơn vị.

Hai là, rèn luyện kỹ năng sàng lọc thông tin và bản lĩnh đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái trên không gian mạng. Trước sự

bùng nổ của thông tin đa chiều, học viên phải hình thành “màng lọc” tri thức để lựa chọn các nguồn tin chính thống, khoa học. Điều này, không chỉ giúp người học tránh được những luồng tư tưởng lệch lạc mà còn góp phần trực tiếp vào việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Học viên cần xây dựng chính kiến và tư duy lý luận sắc bén để nhận diện, đấu tranh có hiệu quả với các âm mưu xuyên tạc, phản động của các thế lực thù địch, đặc biệt, trên các nền tảng mạng xã hội.

Ba là, sử dụng công nghệ hỗ trợ như một “công cụ tư duy” để nâng cao năng lực vận dụng thực tiễn. Học viên cần nhận thức đúng đắn trí tuệ nhân tạo (AI) hay các thành tựu công nghệ là “trợ thủ” đắc lực để tìm kiếm dữ liệu, nhận diện vấn đề, chứ không thể thay thế được tư duy độc lập của con người. Mục tiêu cuối cùng của học tập là hình thành năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn một cách chuyên nghiệp. Do đó, người học cần sử dụng công nghệ một cách thông minh để tối ưu hóa quá trình nghiên cứu, tích cực tham gia thảo luận, phản biện và đóng góp ý kiến. Từ đó, biến những kiến thức lý luận khô khan, trừu tượng thành kỹ năng giải quyết công việc bài bản và khoa học.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với những thành tựu nổi bật đã và đang tạo ra những biến đổi sâu sắc trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có đào tạo lý luận chính trị. Trước yêu cầu tình hình mới, mỗi giảng viên giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên cần phải chủ động thích ứng và nâng cao năng lực số để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển mới để không bị tụt hậu trong thời đại trí tuệ nhân tạo. Từ đó, xây dựng những bài học lý luận chính trị hiệu quả, góp phần vào công tác đào tạo đội ngũ cán bộ đủ sức, đủ đức, đủ tài của tỉnh, cùng đất nước “vươn mình” trong kỷ nguyên mới./.

TỔNG TUYỂN CỬ NĂM 1946 - MINH CHỨNG LỊCH SỬ BÁC BỎ MỌI LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC VỀ DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM

ThS Vũ Thị Thu Hương
Giảng viên, Khoa Xây dựng Đảng

Dân chủ là giá trị phổ quát của nhân loại tiến bộ, đồng thời là bản chất cốt lõi của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân Việt Nam đang xây dựng. Ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và bùng nổ thông tin hiện nay, các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị không ngừng gia tăng các hoạt động xuyên tạc, phủ nhận bản chất dân chủ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và tính chính danh của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Một trong những thủ đoạn nguy hiểm mà chúng thường sử dụng là bóp méo lịch sử, xuyên tạc các sự kiện trọng đại của dân tộc, đặc biệt, sự kiện Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 - cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

Một trong những luận điệu xuyên tạc dai dẳng, nguy hiểm mà các thế lực thù địch ra sức rêu rao là phủ nhận nền dân chủ ở Việt Nam, vu cáo Nhà nước ta “không có dân chủ”, “vi phạm nhân quyền”, “độc tài, toàn trị”. Đây không phải là sự ngộ nhận học thuật mà là sự xuyên tạc có chủ ý nhằm bóp méo bản chất chế độ, gây hoài nghi, dao động trong xã hội. Thủ đoạn quen thuộc của họ là lấy mô hình dân chủ tư sản phương Tây làm “khuôn mẫu duy nhất”, rồi áp đặt, so sánh khiên cưỡng với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; từ đó, phủ nhận con đường phát triển mà Nhân dân ta đã lựa chọn.

Từ việc phủ nhận dân chủ, các thế lực thù địch tiếp tục chuyển sang công kích, xuyên tạc vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cho rằng Đảng “tự phong quyền lãnh đạo”, “độc chiếm quyền lực”, “không do nhân dân lựa chọn”. Đây là sự đánh tráo khái niệm trắng trợn, cố tình xóa nhòa sự thật lịch sử.

Nguy hiểm hơn, việc xuyên tạc Tổng tuyển cử năm 1946 còn gắn liền với âm mưu “phi chính trị hóa” lịch sử cách mạng Việt Nam. Dưới chiêu bài “khách quan”, “trung lập”, các thế lực thù địch tìm cách tách sự kiện lịch sử ra khỏi bối cảnh cách mạng, phủ nhận tính chính danh của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ đó, phủ nhận toàn bộ thành quả của Cách mạng Tháng Tám. Mục tiêu sâu xa của chúng là thúc đẩy các quan điểm “đa nguyên chính trị”, “đa đảng đối lập” theo mô hình phương Tây, làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng, gây mất ổn định chính trị - xã hội và từng bước chuyển hóa chế độ từ bên trong. Đây là âm mưu hết sức thâm độc, đi ngược lại lợi ích căn bản của dân tộc, trái với Hiến pháp và hoàn toàn không phù hợp với ý chí, nguyện vọng của Nhân dân Việt Nam.

Trước thực tế đó, việc tuyên truyền, lan tỏa giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của Tổng tuyển cử năm 1946 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là biện pháp để củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng và chế độ mà còn góp phần tạo “sức đề kháng tư tưởng” trước các thông tin xấu độc, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái không chỉ bằng lý lẽ sắc bén, mà còn bằng chính thực tiễn sinh động của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

1. Bối cảnh lịch sử và ý nghĩa thời đại của Tổng tuyển cử năm 1946

Để nhận thức đầy đủ giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của Tổng tuyển cử năm 1946, cần đặt sự kiện này trong bối cảnh đặc biệt của đất nước sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, chính quyền cách mạng non trẻ phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thách thức chưa từng có: “giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm” hoành hành; thù trong, giặc ngoài đe dọa nền độc lập vừa giành được; nền kinh tế kiệt quệ, ngân khố trống rỗng; bộ máy nhà nước chưa được kiện toàn. Trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, yêu cầu cấp bách đặt ra là phải nhanh chóng xây dựng một nhà nước hợp hiến, hợp pháp, do chính Nhân dân trực tiếp lựa chọn, nhằm củng cố chính quyền cách mạng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khẳng định vị thế của nước Việt Nam mới trên trường quốc tế. Xuất phát từ yêu cầu đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của Tổng tuyển cử, coi đây là dịp để toàn thể quốc dân thực hiện quyền làm chủ của mình: “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác việc nước.”¹

Trên tinh thần đó, ngày 06/01/1946 đã đi vào lịch sử dân tộc như một mốc son chói lọi. Lần đầu tiên, Nhân dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, giai cấp, giàu nghèo, được trực tiếp thực hiện quyền công dân thiêng liêng - quyền bầu cử. Cuộc Tổng tuyển cử được tổ chức theo những nguyên tắc dân chủ tiến bộ: phổ thông đầu phiếu, bình đẳng, trực tiếp, bỏ phiếu kín; thu hút hơn 90% cử tri trong cả nước tham gia, bầu ra Quốc hội khóa I – cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sự kiện này, không chỉ là bước ngoặt lịch sử trong đời sống chính trị - pháp lý của đất nước mà còn mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên Nhân dân trở thành người làm chủ thực sự của Nhà nước.

2. Giá trị dân chủ sâu sắc của Tổng tuyển cử năm 1946

Tổng tuyển cử năm 1946, trước hết mang ý nghĩa khẳng định rõ ràng và sâu sắc quyền làm chủ của Nhân dân - bản chất dân chủ của chế độ mới. Khác với chế độ phong kiến - nơi quyền lực tập trung trong tay vua chúa, và khác với chế độ thực dân - nơi Nhân dân chỉ là đối tượng bị trị, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Tư tưởng đó được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định một cách súc tích nhưng đầy sức thuyết phục: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.”² Tổng tuyển cử năm 1946 chính là sự hiện thực hóa sinh động tư tưởng ấy, khi nhân dân không chỉ là lực lượng làm nên chính quyền, mà còn trực tiếp quyết định việc tổ chức bộ máy nhà nước thông qua lá phiếu của mình.

Không dừng lại ở đó, giá trị dân chủ của Tổng tuyển cử năm 1946 còn thể hiện ở tính tiên bộ vượt bậc so với nhiều quốc gia cùng thời kỳ. Trong khi ở không ít nước trên thế giới, quyền bầu cử vẫn bị hạn chế bởi giới tính, tài sản hay trình độ học vấn, thì tại Việt Nam - một quốc gia vừa thoát khỏi ách thuộc địa, với hơn 90% dân số mù chữ, quyền bầu cử đã được thực hiện rộng rãi, không phân biệt. Điều này cho thấy, tư duy dân chủ vượt thời đại của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; đồng thời, khẳng định: dân chủ ở Việt Nam không phải là sản phẩm vay mượn hay sao chép mà là kết quả của cả một quá trình đấu tranh cách mạng vì con người, vì quyền làm chủ của nhân dân. Từ góc độ pháp lý - chính trị, Tổng tuyển cử năm 1946 còn đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển của Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Quốc hội khóa I do Nhân dân bầu ra đã thông qua Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp dân chủ, tiên bộ, thể hiện rõ tinh thần thượng tôn pháp luật và quyền con người, quyền công dân, tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng một nhà nước hợp hiến, hợp pháp.

3. Từ tổng tuyển cử năm 1946 đến Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

Những giá trị cốt lõi của Tổng tuyển cử năm 1946 không chỉ dừng lại trong lịch sử mà tiếp tục được kế thừa, phát triển và nâng tầm trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Xây dựng nhà nước pháp quyền đã được khẳng định trong các văn kiện đại hội Đảng toàn quốc và được cụ thể hóa trong các nghị quyết của Đảng. Trong đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định các yêu cầu trọng tâm như: xây dựng hệ thống pháp luật công khai, minh bạch; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; kiểm soát quyền lực nhà nước chặt chẽ; xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ. Tiếp nối tinh thần đó, Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã tiếp tục nhấn mạnh việc đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, lấy người dân làm trung tâm, làm chủ thể; tăng cường sự tham gia và giám sát của Nhân dân trong toàn bộ quá trình xây dựng và thực thi pháp luật. Thực tiễn triển khai những chủ trương trên cho thấy, quyền làm chủ của nhân dân ngày càng được hiện thực hóa một cách cụ thể và sinh động. Hoạt động của Quốc hội ngày càng dân chủ, công khai, minh bạch; các phiên chất vấn, giải trình được truyền hình trực tiếp; hoạt động tiếp xúc cử tri ngày càng đi vào thực chất; quyền giám sát của Nhân dân đối với bộ máy nhà nước không ngừng được mở rộng và phát huy. Những thành tựu đó, tiếp tục khẳng định: dân chủ ở Việt Nam không ngừng được mở rộng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, đúng với tinh thần và giá trị của Tổng tuyển cử năm 1946.

Thực tế cho thấy, Tổng tuyển cử năm 1946 không phải là cuộc bầu cử đơn nhất, khép kín mà là một cuộc vận động chính trị rộng rãi, với sự tham gia của nhiều đảng phái, các nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo và đại diện các tầng lớp nhân dân. Chính vì thế, Quốc hội khóa I là Quốc hội của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không hình thành từ sự cưỡng ép hay áp đặt quyền lực mà được khẳng định bằng uy tín chính trị, bằng sự hy sinh, cống hiến to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và được nhân dân thừa nhận, tin tưởng. Mọi luận điệu phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng thực chất là phủ nhận lịch sử, phủ nhận lựa chọn của Nhân dân Việt Nam. Tổng tuyển cử năm 1946 không chỉ là một sự kiện lịch sử, mà còn là “chứng cứ sống” đanh thép, bác bỏ mọi luận điệu xuyên tạc, phản động; đồng thời khẳng định vững chắc tính chính danh của Nhà nước, vai trò lãnh đạo của Đảng và bản chất dân chủ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 không chỉ là một sự kiện chính trị trọng đại mà còn là biểu tượng sáng ngời của nền dân chủ cách mạng Việt Nam. Từ Hiến pháp năm 1946 đến Hiến pháp năm 2013; từ Quốc hội khóa I đến Quốc hội khóa XVI; từ tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ đến các nghị quyết mới của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - tất cả đều thống nhất khẳng định một chân lý: nhân dân Việt Nam là chủ và làm chủ đất nước; dân chủ ở Việt Nam là dân chủ thực chất, gắn liền với độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và pháp quyền.

Thực tiễn lịch sử cũng như thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay đã và đang khẳng định một cách rõ ràng: Tổng tuyển cử năm 1946 là minh chứng hùng hồn, không thể phủ nhận, bác bỏ mọi luận điệu xuyên tạc về dân chủ ở Việt Nam. Đồng thời, khẳng định bản chất cách mạng, khoa học và nhân văn của con

(Xem tiếp trang 54)

BÃI BỎ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHỤ THUỘC GIẢM TRỪ GIA CẢNH - BƯỚC TIẾN TRONG CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ THUẾ

ThS Lục Thị Minh Phương

*Giảng viên, Phòng Quản lý đào tạo và
nghiên cứu khoa học*

Trong tiến trình cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa công tác quản lý thuế, việc đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến nghĩa vụ thuế của người dân luôn được Nhà nước đặc biệt quan tâm. Một trong những nội dung cải cách đáng chú ý thời gian gần đây là việc bãi bỏ thủ tục đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh. Nội dung này được thể hiện tại Quyết định số 216/QĐ-BTC ngày 03/02/2026 của Bộ Tài chính, công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thuế, trên cơ sở quy định mới của Nghị định số 373/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn không ít cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức và bộ phận kế toán hiểu chưa đầy đủ về việc “bỏ thủ tục đăng ký người phụ thuộc”.

Trong hệ thống chính sách thuế thu nhập cá nhân, giảm trừ gia cảnh là một cơ chế quan trọng nhằm bảo đảm tính công bằng trong điều tiết thu nhập. Về bản chất, giảm trừ gia cảnh là khoản tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế của cá nhân trước khi tính thuế, nhằm phản ánh chi phí cần thiết để bảo đảm đời sống của bản thân người nộp thuế và những người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, giảm trừ gia cảnh gồm hai phần cơ bản: Giảm trừ đối với bản thân người nộp thuế; giảm trừ đối với người phụ thuộc. Người phụ thuộc có thể là con chưa thành niên, con đang học tập chưa có thu

nhập, cha mẹ già yếu không có khả năng lao động, hoặc các cá nhân khác mà người nộp thuế trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Khi có người phụ thuộc, người nộp thuế được trừ thêm một khoản tiền nhất định trên mỗi người phụ thuộc trước khi xác định thu nhập tính thuế.

Cơ chế giảm trừ gia cảnh có vai trò quan trọng ở nhiều phương diện. Trước hết, nó bảo đảm tính nhân văn của chính sách thuế, bởi thuế chỉ điều tiết phần thu nhập thực sự còn lại sau khi cá nhân đã bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của bản thân và gia đình. Thứ hai, giảm trừ gia cảnh góp phần bảo đảm công bằng giữa các đối tượng nộp thuế, bởi những người có cùng mức thu nhập nhưng gánh nặng gia đình khác nhau sẽ có mức thuế phải nộp khác nhau. Thứ ba, quy định này còn giúp ổn định đời sống xã hội, khuyến khích người dân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế trong khi vẫn bảo đảm quyền lợi hợp pháp của mình.

Chính vì vai trò quan trọng đó, việc xác định và quản lý thông tin người phụ thuộc luôn là nội dung cần thiết trong quá trình quản lý thuế thu nhập cá nhân.

Trước khi có quy định mới, thủ tục đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh được quy định khá cụ thể trong Mục 9.11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Theo quy định này, khi cá nhân có người phụ thuộc và muốn được tính giảm trừ gia cảnh, họ phải thực hiện thủ tục đăng ký người phụ thuộc với cơ quan thuế. Việc

đăng ký có thể được thực hiện theo hai hình thức: Ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập (doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị nơi cá nhân làm việc) thực hiện đăng ký thuế cho người phụ thuộc hoặc tự nộp hồ sơ đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế.

Sau khi đăng ký, cơ quan thuế sẽ cấp mã số thuế cho người phụ thuộc để quản lý. Thông tin này được lưu trữ trong hệ thống quản lý thuế và là căn cứ để tính giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế.

Tuy nhiên, đến thời điểm quyết toán thuế thu nhập cá nhân hằng năm, cá nhân vẫn phải nộp hồ sơ quyết toán thuế kèm theo thông tin về người phụ thuộc đã đăng ký trước đó.

Trên thực tế, quy trình cũ thường phát sinh nhiều thao tác lặp lại. Người nộp thuế phải đăng ký người phụ thuộc, sau đó lại kê khai lại thông tin này khi quyết toán thuế. Đối với cơ quan quản lý thuế và bộ phận kế toán, việc tiếp nhận, xử lý và đối chiếu nhiều lần cùng một loại thông tin cũng làm tăng khối lượng công việc hành chính. Bên cạnh đó, khi người lao động thay đổi nơi làm việc, đơn vị mới thường phải kiểm tra lại hoặc đăng ký lại người phụ thuộc, dẫn đến việc mất thời gian và gây lúng túng cho cả người lao động lẫn đơn vị sử dụng lao động.

Những hạn chế này đặt ra yêu cầu phải cải cách thủ tục theo hướng đơn giản, thuận tiện và phù hợp với hệ thống quản lý thuế điện tử.

Nhằm khắc phục những bất cập nêu trên, Nghị định số 373/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và bãi bỏ Mục 9.11 về thủ tục đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh. Trên cơ sở đó, Quyết định số 216/QĐ-BTC ngày 03/02/2026 của Bộ Tài chính đã công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, trong đó chính thức ghi nhận việc bỏ thủ tục

đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh như một thủ tục hành chính riêng biệt.

Theo quy định mới, kể từ ngày 14/02/2026, việc đăng ký thông tin người phụ thuộc sẽ không còn là một thủ tục độc lập như trước đây. Thay vào đó, thông tin người phụ thuộc được xử lý theo thủ tục đăng ký thuế lần đầu, được quy định tại Mục 9.2 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP (thay thế Phụ lục I của Nghị định 126/2020/NĐ-CP).

Điều này, có nghĩa việc bãi bỏ thủ tục đăng ký người phụ thuộc không đồng nghĩa với việc bỏ quản lý người phụ thuộc. Trên thực tế, cơ quan thuế vẫn quản lý thông tin người phụ thuộc thông qua mã số thuế và cơ sở dữ liệu thuế quốc gia. Điểm thay đổi chủ yếu là đơn giản hóa quy trình thủ tục, tránh việc người nộp thuế phải thực hiện nhiều bước hành chính trùng lặp.

Quy định mới cũng phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong quản lý thuế, khi hệ thống dữ liệu thuế đã được kết nối và quản lý tập trung trên phạm vi toàn quốc.

Một trong những vấn đề thực tế được nhiều người quan tâm là việc xử lý thông tin người phụ thuộc khi người lao động thay đổi nơi làm việc. Theo quy định và thực tiễn vận hành của hệ thống thuế hiện nay, có thể xảy ra một số trường hợp sau:

Thứ nhất, người phụ thuộc đã được cấp mã số thuế trước đó.

Trong trường hợp này, người lao động không cần đăng ký lại người phụ thuộc. Do dữ liệu về người phụ thuộc đã được lưu trữ trong hệ thống quản lý thuế toàn quốc, đơn vị mới chỉ cần kê khai người phụ thuộc đó trong hồ sơ thuế thu nhập cá nhân của nhân viên. Bộ phận kế toán có thể kiểm tra trên hệ thống để xác nhận mã số thuế của người phụ thuộc. Như vậy, thông tin đã có sẵn và được sử dụng lại mà không cần thực hiện thêm thủ tục đăng ký.

Thứ hai, trước đây đã đăng ký nhưng chưa được cấp mã số thuế.

Trường hợp này có thể xảy ra nếu hồ sơ đăng ký trước đây chưa được hoàn tất hoặc được nộp từ rất lâu khi hệ thống dữ liệu thuế chưa được đồng bộ. Khi đó, đơn vị mới nên thực hiện đăng ký thuế cho người phụ thuộc theo thủ tục đăng ký thuế để hoàn tất việc cấp mã số thuế.

Thứ ba, có thay đổi thông tin về người phụ thuộc.

Trong một số trường hợp, thông tin của người phụ thuộc có thể thay đổi, chẳng hạn như được cấp căn cước công dân mới, thay đổi quan hệ nuôi dưỡng hoặc người phụ thuộc không còn đáp ứng điều kiện theo quy định. Khi đó, người nộp thuế cần cập nhật thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế. Tuy nhiên, đây chỉ là việc cập nhật dữ liệu chứ không phải đăng ký lại từ đầu.

Những quy định này cho thấy, hệ thống quản lý thuế hiện nay đã chuyển từ phương thức quản lý thủ tục sang quản lý dữ liệu. Qua đó, giảm đáng kể các bước hành chính không cần thiết.

Trong quá trình tiếp nhận nhân sự mới, bộ phận kế toán của đơn vị cần lưu ý một số điểm quan trọng liên quan đến người phụ thuộc.

Trước hết, nên hỏi rõ nhân viên về tình trạng đăng ký người phụ thuộc, bao gồm việc đã đăng ký giảm trừ gia cảnh hay chưa. Đồng thời, cần xác định người phụ thuộc đã có mã số thuế hay chưa, bởi đây là căn cứ quan trọng để khai báo trong hồ sơ thuế thu nhập cá nhân.

Bên cạnh đó, kế toán cần kiểm tra dữ liệu trên hệ thống thuế điện tử để xác nhận thông tin người phụ thuộc đã tồn tại hay chưa. Nếu người phụ thuộc đã có mã số thuế, đơn vị chỉ cần sử dụng lại thông tin đó. Trường hợp chưa có mã số thuế, cần thực hiện thủ tục đăng ký thuế để bảo đảm quyền lợi giảm trừ gia cảnh cho người lao động.

Việc nắm rõ quy định mới không chỉ giúp đơn vị thực hiện đúng chính sách mà còn giảm đáng kể khối lượng công việc hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính - kế toán.

Việc bãi bỏ thủ tục đăng ký người phụ thuộc, giảm trừ gia cảnh mang lại nhiều ý nghĩa tích cực. Trước hết, quy định này góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho người nộp thuế. Người lao động không còn phải thực hiện nhiều bước đăng ký riêng biệt như trước. Thứ hai, cải cách này phù hợp với chủ trương xây dựng chính phủ điện tử và chuyển đổi số trong quản lý thuế, khi dữ liệu thuế được quản lý tập trung, liên thông và có thể khai thác lại nhiều lần. Thứ ba, việc thay đổi phương thức quản lý từ thủ tục sang dữ liệu giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm sai sót, trùng lặp thông tin và tạo thuận lợi cho cả cơ quan thuế, doanh nghiệp, tổ chức và người dân.

Việc bãi bỏ thủ tục đăng ký người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh theo Quyết định số 216/QĐ-BTC và Nghị định số 373/2025/NĐ-CP là một bước tiến quan trọng trong cải cách thủ tục hành chính lĩnh vực thuế. Tuy nhiên, cần hiểu đúng rằng quy định mới không phải là bỏ việc quản lý người phụ thuộc mà là đơn giản hóa quy trình đăng ký, chuyển sang quản lý thông tin thông qua hệ thống dữ liệu thuế thống nhất.

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, những cải cách như vậy không chỉ giúp giảm gánh nặng thủ tục cho người dân và tổ chức mà còn góp phần xây dựng một hệ thống quản lý thuế hiện đại, minh bạch và hiệu quả. Vì vậy, việc nắm vững và thực hiện đúng quy định mới là điều cần thiết để bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế cũng như nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế./.

CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC Ở VIỆT NAM

ThS Nguyễn Đình Chung

Phó Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

Trong thời gian qua, một số luận điệu sai trái, thù địch đã cố tình xuyên tạc rằng người dân Việt Nam sống trong cảnh bất hạnh, nghèo đói hay bị áp bức. Tuy nhiên, thực tiễn cuộc sống và các số liệu quốc tế uy tín đã chứng minh điều ngược lại. Người dân Việt Nam ngày nay đang thụ hưởng cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc, với Báo cáo hạnh phúc thế giới 2025 xếp Việt Nam đứng thứ 46/147 quốc gia - vươn lên vị trí thứ 2 Đông Nam Á (chỉ sau Singapore, xếp hạng 34)¹. Bài viết làm rõ bức tranh cuộc sống hạnh phúc ở Việt Nam, qua đó phản bác những quan điểm xuyên tạc, đồng thời phản ánh khách quan những thành tựu và thách thức trong đời sống Nhân dân.

Hạnh phúc của Việt Nam qua góc nhìn quốc tế

Kết quả xếp hạng của Báo cáo hạnh phúc thế giới những năm gần đây cho thấy, người dân Việt Nam ngày càng hạnh phúc hơn. Theo báo cáo năm 2025 do Mạng lưới phát triển bền vững Liên hợp quốc và Đại học Oxford công bố, Việt Nam vươn lên thứ 46 thế giới, tăng 8 bậc so với năm 2023². Đây là thứ hạng cao



Nhiều người dân Việt Nam phấn khởi tự hào trong lễ hội và sự kiện thể thao - hình ảnh thường thấy minh chứng cho đời sống tinh thần hạnh phúc, đoàn kết của toàn dân.

nhất của Việt Nam kể từ khi báo cáo này ra đời năm 2012. Đáng chú ý, Việt Nam đã liên tục thăng hạng, từ vị trí 77 (năm 2021) lên 65 (2022), rồi 54 (2024) và hiện nay nằm trong nhóm dẫn đầu khu vực. Với thứ hạng 46, Việt Nam trở thành quốc gia hạnh phúc thứ 2 tại Đông Nam Á (chỉ đứng sau Singapore) và thậm chí nằm trong top 3 châu Á (chỉ sau Đài Loan và Singapore)³. Những con số biết nói này là minh chứng rõ ràng phản bác luận điệu cho rằng người Việt Nam bất hạnh - ngược lại, mức độ hài lòng và hạnh phúc của người dân đang được quốc tế ghi nhận tích cực.

Báo cáo hạnh phúc thế giới xếp hạng các quốc gia dựa trên khảo sát người dân tự đánh giá cuộc sống của mình theo thang điểm 0 - 10, kết hợp với các chỉ số về hỗ trợ xã hội, tuổi thọ, thu nhập bình quân, tự do lựa chọn và mức độ hào phóng trong xã hội. Trong

¹ Việt Nam tăng vượt bậc về chỉ số hạnh phúc. <https://baochinhphu.vn/viet-nam-tang-vuot-bac-ve-chi-so-hanh-phuc-102250320112059904.htm>

² Việt Nam đứng thứ 2 Đông Nam Á về chỉ số hạnh phúc - Vietnam+ (VietnamPlus). <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-dung-thu-2-dong-nam-a-ve-chi-so-hanh-phuc-post1021654.vnp>

³ Vietnam is the third happiest place in Asia. <https://vir.com.vn/vietnam-is-the-third-happiest-place-in-asia-124941.html>

bảng xếp hạng năm 2025, Việt Nam đạt điểm hạnh phúc trung bình 6,352/10, cao hơn nhiều nước có thu nhập cao hơn. Chẳng hạn, Hoa Kỳ chỉ xếp hạng 24 (mức thấp nhất từ trước tới nay của nước này), Malaysia đứng thứ 64, Trung Quốc thứ 67⁴ - đều kém xa thứ hạng 46 của Việt Nam. Điều này cho thấy, hạnh phúc không phụ thuộc hoàn toàn vào kinh tế, mà còn đến từ những giá trị cộng đồng, sự tương trợ và niềm tin xã hội. Jon Clifton, Giám đốc điều hành Gallup - đơn vị đồng thực hiện báo cáo, nhận định: “Hạnh phúc không chỉ về của cải hay tăng trưởng - mà còn là về lòng tin, sự gắn kết và việc biết rằng mọi người sẵn sàng hỗ trợ lẫn nhau”⁵. Chính sự đoàn kết cộng đồng, tình làng nghĩa xóm và ổn định xã hội ở Việt Nam đã đóng góp quan trọng vào cảm giác hạnh phúc của người dân, bất chấp mức thu nhập bình quân còn khiêm tốn.

Chất lượng cuộc sống ngày càng nâng cao

Không chỉ qua chỉ số hạnh phúc, thực tiễn đời sống Việt Nam cũng chứng minh chất lượng cuộc sống đã được cải thiện vượt bậc trong vài thập kỷ qua. Từ một quốc gia kém phát triển, bị tàn phá sau chiến tranh, Việt Nam đã vươn lên thành nền kinh tế thu nhập trung bình và được coi là “câu chuyện thành công về phát triển” trên thế giới. Kể từ công cuộc Đổi mới 1986, thu nhập bình quân đầu người thực tế đã tăng từ dưới 700 USD lên hơn 5000 USD năm 2025. Tỷ lệ người dân sống dưới ngưỡng nghèo (3,65 USD/ngày, theo sức mua tương đương 2017) đã giảm mạnh từ 14% năm 2010 xuống dưới 4% năm 2023 - một thành tựu xóa đói, giảm nghèo được Ngân hàng thế giới ca ngợi. Nhờ tăng trưởng kinh tế và các chính sách an sinh, điều kiện sống của hàng chục

triệu người Việt đã đổi thay rõ rệt: nhà ở kiên cố, điện lưới, nước sạch, đường giao thông, phương tiện liên lạc... đã trở nên phổ biến khắp mọi miền. Chẳng hạn, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện làm nguồn chiếu sáng chính đã tăng từ 14% (1993) lên gần 100% vào năm 2019; tỷ lệ người dân nông thôn được dùng nước sạch tăng từ 17% (1993) lên 51% (2020)⁶. Những con số này phản ánh một thực tế, người dân Việt Nam ngày nay không còn phải lo cái ăn cái mặc như trước mà đang hướng tới cuộc sống chất lượng cao hơn, với nhà cửa khang trang, hạ tầng hiện đại và dịch vụ ngày càng tốt.

Bên cạnh cải thiện vật chất, các chỉ số phát triển con người của Việt Nam cũng tiến bộ vượt bậc, tạo nền tảng cho cuộc sống hạnh phúc. Tuổi thọ trung bình của người Việt đã tăng từ 70,5 tuổi (năm 1990) lên khoảng 74,7 tuổi vào năm 2025 - thuộc nhóm cao nhất trong khu vực. Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm mạnh từ 32,6‰ (1993) xuống chỉ còn 12,1‰ (2023), phản ánh sự tiến bộ của chăm sóc y tế và dinh dưỡng. Việt Nam cũng đã phổ cập giáo dục tiểu học từ đầu những năm 2000 với tỷ lệ đi học tiểu học trên 98%, trung học cơ sở đạt 95% và trung học phổ thông 80% (2024). Chất lượng giáo dục không ngừng cải thiện - chỉ số “số năm đi học hiệu chỉnh theo chất lượng” của học sinh Việt Nam đạt 10,2 năm, đứng thứ 2 ASEAN sau Singapore. Chỉ số bao phủ y tế toàn dân cũng tăng từ 31 (năm 2000) lên 68 (2021), ngang mức trung bình toàn cầu; hiện có 93% dân số tham gia bảo hiểm y tế quốc gia⁷. Những thành tựu về y tế, giáo dục này cho thấy người dân Việt Nam ngày càng được hưởng nền tảng sức khỏe và tri thức tốt hơn, góp phần nâng cao mức độ hài lòng trong cuộc sống. Thực tế, Chỉ số

⁴ Happiness index by country, around the world - The Global Economy. <https://www.theglobaleconomy.com/rankings/happiness/>

⁵ Vietnam is the third happiest place in Asia. <https://vir.com.vn/vietnam-is-the-third-happiest-place-in-asia-124941.html>

⁶ Overview: Development news, research, data - World Bank. <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview.print>

⁷ Overview: Development news, research, data - World Bank. <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview.print>

phát triển con người (HDI) của Việt Nam năm 2023 đã đạt 0,766, xếp vào nhóm phát triển con người cao và đứng thứ 93/193 quốc gia. Báo cáo của Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) ghi nhận Việt Nam đã tăng 14 bậc HDI chỉ trong một năm (2022 - 2023) - một phần nhờ những nỗ lực nâng cao thu nhập, giáo dục và y tế cho người dân⁸. Nhìn lại chặng đường từ năm 1990 đến nay, HDI của ta đã tăng hơn 53% (từ 0,499 lên 0,766)⁹, phản ánh thành quả to lớn trong việc cải thiện mọi mặt đời sống con người. Đây chính là nền tảng vững chắc để người dân cảm thấy an tâm, hài lòng và hướng tới tương lai tốt đẹp.

Chủ trương đặt người dân làm trung tâm

Đạt được những thành tựu trên không phải ngẫu nhiên, mà xuất phát từ đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn đặt hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu tối thượng. Ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 và xuyên suốt quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta đã nhất quán quan điểm xây dựng Nhà nước “của dân, do dân, vì dân”, coi nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc phát triển, đồng thời tích hợp việc tôn trọng và bảo đảm quyền con người trong mọi chiến lược, kế hoạch quốc gia. Thực tế, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam luôn hướng tới nâng cao đời sống, hạnh phúc của người dân, thể hiện qua hàng loạt chương trình xóa đói giảm nghèo, chăm sóc y tế, giáo dục, nhà ở, tạo việc làm... được triển khai rộng khắp. Nhờ đó, trong gần 40 năm Đổi mới, Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu nhân văn: tỷ lệ nghèo đa chiều quốc gia năm 2024 chỉ còn khoảng 4% (giảm 1,6% so

với 2023); bảo hiểm y tế bao phủ 94% dân số; hệ thống an sinh xã hội mở rộng giúp hàng triệu người yếu thế vươn lên. Việt Nam cũng hoàn thành sớm nhiều Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, như xóa đói và bảo đảm an ninh lương thực, phổ cập giáo dục tiểu học, thúc đẩy bình đẳng giới và cải thiện sức khỏe trẻ em¹⁰. Những kết quả này thể hiện rõ cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc lấy con người làm trung tâm của phát triển, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau.

Không tự hài lòng với những gì đạt được, Việt Nam tiếp tục đề ra các chính sách táo bạo nhằm nâng cao phúc lợi, hạnh phúc nhân dân trong giai đoạn tới. Mới đây, Bộ Chính trị đã quyết định miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến trung học phổ thông công lập trên toàn quốc từ năm học 2025 - 2026, tạo điều kiện cho khoảng 2,3 triệu học sinh được học tập miễn phí. Chính sách này, thể hiện quyết tâm bảo đảm công bằng xã hội, đầu tư cho tương lai của thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, Tổng Bí thư cũng đề xuất lộ trình miễn phí điều trị tại bệnh viện cho toàn dân vào giai đoạn 2030 - 2035 - một bước đi đột phá nhằm giảm gánh nặng chi phí y tế cho người bệnh, hiện thực hóa nguyên tắc “vì Nhân dân phục vụ” trong chăm sóc sức khỏe. Các chuyên gia đánh giá đây là những quyết sách phù hợp với nguyên tắc “không để ai bị bỏ lại phía sau”, tiếp nối truyền thống coi trọng phúc lợi người dân của Đảng ta¹¹. Rõ ràng, Đảng và Nhà nước luôn lắng nghe ý kiến Nhân dân, nỗ lực hoàn thiện chính sách để mọi người dân đều có điều kiện thụ hưởng thành quả phát triển, sống hạnh phúc trong một xã hội công bằng, nhân ái.

⁸ Phát triển con người - một trong những ưu tiên hàng đầu của Việt Nam. <https://vovworld.vn/vi-VN/binh-luan/phet-trien-con-nguoi-mot-trong-nhung-uu-tien-hang-dau-cua-viet-nam-1391507.vov>

⁹ Viet Nam maintains High Human Development Index Score: UNDP report | United Nations Development Programme. <https://www.undp.org/vietnam/press-releases/viet-nam-maintains-high-human-development-index-score-undp-report>

¹⁰ Phát triển con người - một trong những ưu tiên hàng đầu của Việt Nam. <https://vovworld.vn/vi-VN/binh-luan/phet-trien-con-nguoi-mot-trong-nhung-uu-tien-hang-dau-cua-viet-nam-1391507.vov>

¹¹ Phát triển con người - một trong những ưu tiên hàng đầu của Việt Nam. <https://vovworld.vn/vi-VN/binh-luan/phet-trien-con-nguoi-mot-trong-nhung-uu-tien-hang-dau-cua-viet-nam-1391507.vov>

Không né tránh thách thức, tự tin hướng tới tương lai

Tất nhiên, cũng cần thẳng thắn thừa nhận rằng bên cạnh những gam màu tươi sáng, bức tranh hạnh phúc ở Việt Nam vẫn tồn tại một số thách thức. Chỉ số HDI của ta tuy cao nhưng khi điều chỉnh bất bình đẳng thì giảm khoảng 16,3% (còn 0,641)¹², cho thấy khoảng cách phát triển giữa các nhóm dân cư vẫn còn. Người dân tộc thiểu số, đồng bào vùng sâu vùng xa vẫn có thu nhập, trình độ học vấn, tiếp cận dịch vụ thấp hơn mặt bằng chung. Đây là thách thức không nhỏ đòi hỏi các cấp chính quyền phải tiếp tục có chính sách hỗ trợ hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh cũng đặt ra vấn đề về môi trường sống và chất lượng đô thị. Ô nhiễm, biến đổi khí hậu, áp lực giao thông, nhà ở... nếu không giải quyết tốt sẽ ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân. Việt Nam cũng đang đối mặt với việc dân số già hóa nhanh trong vài thập kỷ tới, đòi hỏi hệ thống an sinh và chăm sóc người cao tuổi phải sẵn sàng. Ngoài ra, dịch bệnh toàn cầu hay biến động kinh tế thế giới cũng có thể tác động đến đời sống trong nước, đòi hỏi sự chủ động ứng phó.

Điều đáng mừng là Đảng và Nhà nước ta không né tránh bất kỳ thách thức nào, luôn thẳng thắn nhìn nhận và đề ra giải pháp kịp thời. Các chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 đã nhấn mạnh yêu cầu tăng trưởng đi đôi với bền vững, bao trùm: phát triển kinh tế phải gắn với giảm bất bình đẳng, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu - tất cả đều liên quan mật thiết tới hạnh phúc con người. Mục tiêu đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển thu nhập cao cũng đi liền với cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 và không đánh đổi môi trường để lấy tăng

trưởng¹³. Các nỗ lực phòng chống tham nhũng, cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền... đang được đẩy mạnh nhằm củng cố niềm tin của người dân, bởi niềm tin và sự hài lòng của dân chính là thước đo quan trọng của hạnh phúc xã hội. Với đường hướng đúng đắn, ý chí quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự đồng lòng của Nhân dân, có cơ sở để tin tưởng rằng những thách thức hiện tại sẽ từng bước được khắc phục, qua đó, nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống và mức độ hạnh phúc của người dân Việt Nam.

Tựu chung lại, bức tranh “cuộc sống hạnh phúc ở Việt Nam” hiện lên với nhiều gam màu sáng. Từ những thành tựu kinh tế - xã hội mang lại no ấm cho hàng triệu gia đình, đến những nụ cười, niềm tin của người dân vào tương lai - tất cả đều cho thấy luận điệu bôi nhọ của các thế lực thù địch là vô căn cứ. Hạnh phúc của người dân không phải điều có thể che giấu hay thù địch mà được phản ánh chân thực qua cả số liệu khách quan lẫn cảm nhận đời sống hàng ngày. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý hiệu quả của Nhà nước và nỗ lực vươn lên của mỗi người dân, Việt Nam đã và đang viết nên câu chuyện đáng tự hào về một dân tộc từ gian khó vươn tới hạnh phúc. Chặng đường phía trước còn không ít khó khăn, nhưng với những nền tảng đã gây dựng và quyết tâm “Không tô hồng thành tựu, không né tránh khó khăn”, chúng ta hoàn toàn có quyền kỳ vọng vào một Việt Nam ngày càng hạnh phúc, phồn vinh - nơi mọi người dân đều được sống trong hòa bình, ấm no và tràn đầy niềm tin vào tương lai./.

Nguồn tài liệu tham khảo: Báo cáo hạnh phúc thế giới 2023 - 2025, Báo VietnamPlus, Báo Vietnam Investment Review, Báo cáo phát triển con người UNDP 2025, VOV World, Ngân hàng thế giới – World Bank, Báo Đầu tư, Vietnam Briefing.

¹² Viet Nam maintains High Human Development Index Score: UNDP report | United Nations Development Programme. <https://www.undp.org/vietnam/press-releases/viet-nam-maintains-high-human-development-index-score-undp-report>

¹³ Overview: Development news, research, data - World Bank. <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview.print>

ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG ĐOÀN TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Ma Trần Thu Hương

*Giảng viên, Phòng Quản lý đào tạo và
nghiên cứu khoa học*

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi đứng trước yêu cầu đổi mới toàn diện về phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức hoạt động. Chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ, mà còn là quá trình thay đổi tư duy, cách thức tiếp cận, tổ chức và tương tác, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của thời đại và phù hợp với đặc điểm, thói quen của thế hệ trẻ.

Tại tỉnh Thái Nguyên, chuyển đổi số được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và công dân số. Trong tiến trình đó, tuổi trẻ Thái Nguyên đã và đang khẳng định vai trò xung kích, tiên phong, sáng tạo trong việc tham gia triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số từ cấp tỉnh đến cơ sở.

Đối với tổ chức Đoàn, hoạt động chuyển đổi số có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đoàn viên, đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt Đoàn mà còn trực tiếp tham gia giải quyết các nhiệm vụ chính trị của địa phương, hỗ trợ



Công trình thanh niên số hóa địa điểm Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ của tỉnh và Di tích lịch sử Quốc gia Đền thờ Đội Cấn

người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, lan tỏa nhận thức và kỹ năng số trong cộng đồng.

Những năm gần đây, công tác chuyển đổi số trong thực hiện các hoạt động Đoàn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều chuyển biến rõ nét. Các cấp bộ Đoàn trong tỉnh đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, tuyên truyền, tổ chức phong trào. Qua đó, mở rộng không gian sinh hoạt Đoàn, nâng cao hiệu quả điều hành và thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia.

Theo định hướng chung của tỉnh, Tỉnh đoàn Thái Nguyên đã thành lập các đội thanh niên xung kích chuyển đổi số từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường, thị trấn; phối hợp chặt chẽ với “Tổ công nghệ số cộng đồng” trực tiếp hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn

cài đặt, sử dụng các ứng dụng phục vụ quản lý công dân, giải quyết thủ tục hành chính và tương tác với chính quyền. Qua đó, góp phần nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, từng bước hình thành thói quen số trong cộng đồng.

Công tác chuyển đổi số trong hoạt động Đoàn được triển khai đồng bộ thông qua phần mềm Quản lý đoàn viên, kết nối với ứng dụng Thanh niên Việt Nam, giúp số hóa toàn bộ quy trình quản lý đoàn viên từ kết nạp, chuyển sinh hoạt đến đánh giá, xếp loại. Việc ứng dụng xác thực điện tử đã giúp công tác quản lý đoàn viên trở nên khoa học, minh bạch, thuận tiện hơn, giảm đáng kể hồ sơ giấy và áp lực hành chính cho cơ sở Đoàn.

Bên cạnh đó, tuổi trẻ Thái Nguyên còn tích cực triển khai các công trình, phần việc thanh niên gắn chuyển đổi số với bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa địa phương. Nhiều di tích lịch sử được số hóa, gắn mã QR, tích hợp thông tin, hình ảnh, tư liệu trên nền tảng số, tiêu biểu như các công trình số hóa tại Đền Khuân, Đồi Pụ Đồn (Đồi Phong Tướng), Khu di tích lịch sử Quốc gia Thanh niên xung phong Đại đội 915. Những mô hình này, không chỉ góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ mà còn mở ra hướng tiếp cận mới trong quảng bá văn hóa, du lịch địa phương.

Đáng chú ý, trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh, đoàn viên, thanh niên đã trực tiếp tham gia hỗ trợ kỹ thuật, chuẩn hóa và chuyển giao dữ liệu bằng phương thức điện tử, góp phần bảo đảm tiến độ, tính chính xác và liên thông dữ liệu. Thực tiễn đó cho thấy, đoàn viên, thanh niên không chỉ là lực lượng thụ hưởng chuyển đổi số mà còn là lực lượng trực tiếp tham gia, thúc đẩy và lan tỏa chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, công tác số hóa hoạt động Đoàn vẫn còn một số hạn chế như: mức độ đồng bộ giữa các cấp bộ Đoàn chưa cao; kỹ năng số của một bộ phận cán bộ Đoàn còn hạn chế; hạ tầng công

nghệ ở một số cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu; các sản phẩm số hóa chủ yếu mới dừng lại ở việc sử dụng công cụ, chưa hình thành hệ sinh thái số Đoàn Thanh niên thống nhất.

Những khó khăn trên, đòi hỏi tổ chức Đoàn cần bút phá mạnh mẽ hơn; đặc biệt, từ vai trò tiên phong, sáng tạo của mỗi đoàn viên thanh niên trong đề xuất và thực hiện các giải pháp chuyển đổi số. Để quá trình này diễn ra đồng bộ và bền vững, trong thời gian tới, cần có những giải pháp mạnh mẽ hơn về hạ tầng, kỹ năng và mô hình ứng dụng, cụ thể:

Thứ nhất, xây dựng “Hệ thống quản lý đoàn viên điện tử thống nhất”.

Việc xây dựng hệ thống quản lý đoàn viên điện tử thống nhất cần được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; trong đó, mỗi đoàn viên được tạo một hồ sơ số cá nhân, gắn mã QR riêng để cập nhật đầy đủ thông tin về học tập, công tác, thành tích, điểm rèn luyện và quá trình tham gia các phong trào, hoạt động Đoàn. Cùng đó, cần bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, cấp tài khoản truy cập cho các cơ sở Đoàn nhằm phục vụ công tác quản lý, cập nhật và khai thác dữ liệu một cách an toàn, bảo mật. Dữ liệu đoàn viên được đồng bộ từ cơ sở lên cấp trên, bảo đảm tính liên thông, thuận tiện cho việc tra cứu, theo dõi, đánh giá. Đồng thời, giúp cán bộ Đoàn các cấp tổng hợp, báo cáo nhanh kết quả công tác thông qua hệ thống điện tử.

Thứ hai, xây dựng và phát triển “Không gian sinh hoạt Đoàn trực tuyến”.

Trong điều kiện đặc thù về thời gian, địa bàn và yêu cầu linh hoạt trong tổ chức hoạt động, việc hình thành không gian sinh hoạt Đoàn trực tuyến là yêu cầu tất yếu. Theo đó, các buổi sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm, diễn đàn như “Thanh niên với chuyển đổi số” cần được tổ chức theo hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến, nhằm mở rộng đối tượng tham gia và nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục. Đồng thời, các cơ sở Đoàn cần thiết lập phòng họp ảo, tạo điều kiện để đoàn viên bận công tác vẫn có thể tham dự, trao đổi, thảo luận và biểu quyết thông qua các nền tảng trực

tuyên bảo đảm an toàn, bảo mật. Việc sử dụng các công cụ hỗ trợ như Google Form và các nền tảng tương tác trực tuyến khác cũng góp phần tăng cường sự tham gia của đoàn viên và giúp cán bộ Đoàn nắm bắt kịp thời ý kiến, phản hồi theo thời gian thực.

Thứ ba, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động truyền thông của Đoàn.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác truyền thông là hướng đi phù hợp nhằm đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền của tổ chức Đoàn trong thời đại số. Theo đó, cần nghiên cứu xây dựng “trợ lý ảo tuyên truyền Đoàn” trên các nền tảng phổ biến như Zalo hoặc website Đoàn, nhằm cung cấp kịp thời thông tin về nghị quyết của Đảng, chủ trương của Đoàn, các phong trào, hoạt động và hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, đoàn viên. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ AI trong sản xuất video tuyên truyền tự động sẽ hỗ trợ cán bộ Đoàn rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng, tính hấp dẫn của các sản phẩm truyền thông số, đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin ngày càng cao của đoàn viên, thanh niên.

Thứ tư, xây dựng “Thư viện số hoạt động Đoàn”.

Thư viện số hoạt động Đoàn cần được xây dựng như một kho dữ liệu tập trung, trong đó, số hóa toàn bộ các mô hình, sáng kiến tiêu biểu, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên đề bồi dưỡng kỹ năng, bài thu hoạch và các sản phẩm thực tiễn của tổ chức Đoàn. Các cơ sở Đoàn được khuyến khích chủ động đóng góp tài liệu, hình ảnh, video nhằm chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hay, cách làm hiệu quả, qua đó tăng cường sự kết nối, học tập lẫn nhau giữa các tổ chức Đoàn. Trên cơ sở đó, từng bước hình thành kho tri thức mở phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đoàn viên và các tổ chức đoàn trực thuộc Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Thái Nguyên.

Thứ năm, tăng cường kỹ năng số cho cán bộ, đoàn viên.

Nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, đoàn viên là giải pháp có tính nền tảng, quyết định

hiệu quả của quá trình số hóa hoạt động Đoàn. Theo đó, cần tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ Đoàn cơ sở và coi đây là một trong những tiêu chí quan trọng trong đánh giá, xếp loại cán bộ Đoàn trong thời kỳ mới. Nội dung tập huấn cần tập trung vào kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý, bảo mật thông tin, sáng tạo nội dung số và ứng dụng công nghệ trong tổ chức hoạt động. Đồng thời, mỗi tổ chức Đoàn cơ sở nên hình thành “nhóm nòng cốt chuyển đổi số” gồm những đoàn viên có năng lực công nghệ, làm lực lượng hỗ trợ, hướng dẫn, lan tỏa kỹ năng số cho đoàn viên trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

Thứ sáu, gắn kết chuyển đổi số và số hóa hoạt động Đoàn với nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị.

Để chuyển đổi số và số hóa hoạt động Đoàn mang lại hiệu quả thiết thực, cần gắn chặt các hoạt động này với nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị. Theo đó, cần khuyến khích đoàn viên đăng ký, đề xuất các ý tưởng, sáng kiến ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính, quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Đồng thời, tiếp tục phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của đoàn viên, thanh niên trong triển khai chuyển đổi số và số hóa tại cơ quan, đơn vị, nhằm góp phần xây dựng cơ quan số, công sở văn minh, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Chuyển đổi số trong thực hiện các hoạt động Đoàn không chỉ là yêu cầu tất yếu trong thời đại số mà còn là cơ hội để tổ chức Đoàn khẳng định vai trò xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ. Với những kết quả bước đầu và tinh thần tiên phong đã được khẳng định qua thực tiễn chuyển đổi số của tỉnh, đoàn viên, thanh niên Thái Nguyên hoàn toàn có cơ sở để tiếp tục đề xuất, triển khai các sáng kiến số hóa hiệu quả hơn, góp phần xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh, hiện đại, đồng thời, đóng góp thiết thực vào sự phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới./.

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG TRONG CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN VÀO PHÁT HUY SỨC MẠNH KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC HIỆN NAY

ThS Vũ Thị Nhàn

Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Đoàn kết là truyền thống quý báu và là đường lối chiến lược xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Ngay từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên (1930), Đảng đã đặt nền móng lý luận quan trọng về xây dựng lực lượng cách mạng, khẳng định sức mạnh vô địch của quần chúng nhân dân. Trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, việc vận dụng sáng tạo quan điểm này là yêu cầu khách quan nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nghiên cứu giá trị của Cương lĩnh không chỉ giúp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng mà còn định hướng giải pháp phát huy nguồn lực lòng dân, tạo động lực mạnh mẽ để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta đã xác định rõ các luận điểm cách mạng cơ bản, đánh giá chính xác tính chất xã hội Việt Nam thuộc địa và chỉ rõ mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu là giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân xâm lược; xác định đường lối phát triển, chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Trong đó, chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc được xây dựng từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt cách mạng Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Tư tưởng này, thể hiện rõ trong Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng về tập hợp lực lượng cách mạng. Từ lực lượng nòng cốt đến các tầng lớp trung gian để tạo thành sức mạnh tổng lực, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào các thế lực thù địch, phản động. Về xây dựng lực lượng cách mạng trong

Cương lĩnh chính trị đầu tiên được Đảng ta xác định:

Về thành phần, lực lượng tham gia cách mạng: Đảng ta xác định lực lượng cách mạng, bao gồm toàn thể dân tộc, trong đó liên minh giai cấp công nhân với nông dân là trụ cột. Đồng thời, chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai, chỉ đánh đổ những lực lượng, đảng phái phản cách mạng, phản bội lợi ích chính đáng của dân tộc. Sách lược vắn tắt của Đảng khẳng định: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”¹. Chủ trương của Đảng là: “thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh bọn đại địa chủ và phong kiến”². Đảng chủ trương xây dựng khối đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và các tổ chức cách mạng, chỉ đánh đổ những lực lượng và đảng phái phản cách mạng: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v.) để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tr. 3

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tr. 4

mạng (Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ”³. Cương lĩnh chính trị của Đảng chỉ rõ giai cấp lãnh đạo và lực lượng chính, động lực chủ yếu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam là: “Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chánh, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được”⁴.

Về nguyên tắc đại đoàn kết: Đảng ta khẳng định, đại đoàn kết trên cơ sở lợi ích tối cao của dân tộc, trong đó, Cương lĩnh đã xác định nhiệm vụ của “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng”, tức là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, có hai nhiệm vụ: “phản đế, phản phong”; trong đó, nhiệm vụ hàng đầu là đấu tranh chống đế quốc và tay sai, giành quyền độc lập dân tộc. Trên cơ sở đó, thực hiện các quyền tự do, dân chủ của nhân dân, nông dân nghèo được chia ruộng đất, phát triển kinh tế đất nước.

Về phương pháp tập hợp khối đại đoàn kết: Liên kết giai cấp gắn liền với giải phóng dân tộc; lấy liên minh công - nông làm nòng cốt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng chủ trương, có sử dụng sách lược “lôi kéo” nhất là đối với các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản, song, không đi vào con đường “thỏa hiệp”.

Như vậy, từ khi mới ra đời, Đảng ta đã thể hiện rất rõ ràng và đúng đắn quan điểm chiến lược về xây dựng lực lượng cách mạng. Đây chính là nhân tố đặc biệt quan trọng quyết định thắng lợi của cách mạng trong đường lối lãnh đạo của Đảng, từ cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Kế thừa và tiếp nối giá trị về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn định hướng sát sao; chủ trương, đường

lối của Đảng thể hiện rõ tinh thần đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Đảng ta một lần nữa nhấn mạnh giá trị, sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh mới là: “Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu.”⁵.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn và nhất quán của Đảng, đặc biệt từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay, khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã từng bước được củng cố, phát huy mạnh mẽ trên nhiều phương diện góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được nâng cao. Đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân không ngừng được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được tôn trọng và bảo đảm theo quy định của pháp luật; môi trường văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh xã hội được cải thiện rõ rệt, góp phần củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tr. 4

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tr. 4

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 14

Nhưng bên cạnh đó, trong thời đại công nghiệp 4.0, các thế lực thù địch không ngừng ra sức tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Bằng rất nhiều thủ đoạn, chúng tìm cách rêu rao chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, phủ nhận bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, từ đó phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm, đường lối của Đảng, đặc biệt tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc. Chúng lợi dụng các mạng xã hội để đăng tải nhiều tin, ảnh, bài viết hoặc dưới dạng tọa đàm, hội thảo, thư ngỏ, phỏng vấn... từ đó đưa các thông tin mập mờ, không chính xác nhằm bôi đen thành tựu, thổi phồng những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước; kích động, chia rẽ giữa các dân tộc, tôn giáo, gây hoài nghi, phân tâm nhằm tách rời Nhân dân khỏi Đảng, mưu đồ làm suy yếu dần, dẫn đến làm tan rã khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong điều kiện cụ thể hiện nay, việc tiếp tục quán triệt, vận dụng đúng đắn, sáng tạo quan điểm của Đảng về xây dựng lực lượng cách mạng là yêu cầu mang tính tất yếu, có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, để xây dựng, phát triển đất nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh, văn hiến và anh hùng chúng ta cần nhận thức sâu sắc và quán triệt, vận dụng những nội dung sau đây:

Một là, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tiếp tục quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, coi đây là đường lối chiến lược sống còn. Xác định đoàn kết là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị. Xây dựng tinh thần đoàn kết, thống nhất, bồi dưỡng, củng cố, nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, đối với tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, nhất là đối với đội ngũ cán bộ, tạo sự đồng thuận xã hội cao đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc làm cho mọi người dân Việt Nam ngày càng ý

thức đầy đủ về trách nhiệm và nghĩa vụ công dân, phải luôn gắn sinh mệnh của mình với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Cần khắc phục hiện tượng một số cán bộ, đảng viên thiếu tinh thần trách nhiệm, chưa gương mẫu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, biểu hiện tham nhũng, lãng phí, vi phạm pháp luật, nhất là hiện tượng cán bộ giàu lên nhanh chóng nhưng thiếu minh bạch; cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cấp cao suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, quan liêu, sống xa dân, vô cảm trước những bức xúc của Nhân dân... làm giảm sút niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước.

Hai là, đổi mới tư duy và phương thức giáo dục, tuyên truyền về giá trị của tinh thần đoàn kết trong kỷ nguyên số.

Công tác truyền thông cần chuyển dịch từ hình thức tuyên truyền một chiều sang mô hình tương tác đa chiều, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo để tăng tính hấp dẫn và sức lan tỏa. Nội dung giáo dục phải gắn kết chặt chẽ giữa truyền thống văn hóa, lịch sử dân tộc với các giá trị đạo đức hiện đại, khơi dậy khát vọng cống hiến và trách nhiệm cộng đồng. Cần xây dựng các diễn đàn dân chủ trực tuyến để người dân tham gia đóng góp ý kiến vào các vấn đề quốc kế dân sinh; qua đó, tạo sự đồng thuận xã hội dựa trên sự hiểu biết và tự giác.

Ba là, thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm công bằng và phát triển con người toàn diện.

Đại đoàn kết toàn dân tộc trước hết được xây dựng trên nền tảng con người - chủ thể của phát triển và trung tâm của mọi chính sách. Chỉ khi chăm lo tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao chất lượng đời sống, niềm tin và sức mạnh nội sinh của dân tộc mới được củng cố. Thực hiện các chính sách phân phối thu nhập hợp lý, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền. Triển khai đồng bộ và quyết liệt các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa để không ai bị bỏ lại phía sau.

Bốn là, hiện đại hóa nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Cần thực hiện bước đột phá trong việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ “vận động phong trào” sang “hỗ trợ và dịch vụ xã hội chuyên nghiệp”. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải đóng vai trò nòng cốt trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên. Đồng thời, nâng cao chất lượng công tác giám sát và phản biện xã hội. Trong bối cảnh kinh tế số, các tổ chức như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ cần tái định vị chức năng, hỗ trợ người dân thích ứng với chuyển đổi số và tự động hóa. Việc xây dựng hệ thống dữ liệu lớn (Big Data) để nắm bắt dư luận và định hướng thông tin kịp thời là yêu cầu bắt buộc để quản trị xã hội hiệu quả trong giai đoạn mới.

Năm là, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn với tăng cường pháp chế, kỷ cương, đẩy mạnh thực hiện dân chủ ở cơ sở gắn với chuyển đổi số.

Trong tiến trình xây dựng và củng cố đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa là một động lực quan trọng nhưng chỉ phát huy hiệu quả khi gắn với pháp luật, kỷ luật, kỷ cương và bảo đảm quyền làm chủ của

Nhân dân. Dân chủ ở cơ sở chỉ thực chất khi người dân được tham gia vào những quyết định liên quan trực tiếp đến đời sống và được bảo vệ trước hành vi nhũng nhiễu. Đi đôi với mở rộng dân chủ là củng cố kỷ luật, kỷ cương, nhất là trong công tác cán bộ và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Khi minh bạch và trách nhiệm giải trình được củng cố, niềm tin của Nhân dân vào dân chủ xã hội chủ nghĩa được tăng lên, tạo nền tảng vững chắc cho “thế trận lòng dân” trong giai đoạn mới. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền phải định kỳ đối thoại với Nhân dân để lắng nghe tâm tư và giải quyết dứt điểm các khiếu nại; Đặc biệt là trong vấn đề đất đai và môi trường.

Cho đến nay, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng vẫn giữ nguyên giá trị, vẫn là ngọn cờ dẫn lối cho cách mạng Việt Nam tiến bước trên con đường mà Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc đã lựa chọn. Điều này được thể hiện rõ từ chính thực tiễn vận động của lịch sử dân tộc, của cách mạng Việt Nam kể từ năm 1930 đến nay. Đặc biệt, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc là chìa khóa để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

TỔNG TUYỂN CỬ NĂM 1946 - MINH CHỨNG LỊCH SỬ ...

(Tiếp theo trang 40)

đường mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân ta đã lựa chọn. Bảo vệ sự thật lịch sử về Tổng tuyển cử năm 1946 chính là góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng và bảo vệ tương lai của dân tộc Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5.
3. Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi*

lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2022.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.

6. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Hà Nội.

7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Hiến pháp năm 1946; Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.

8. Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Quốc hội Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH NGANG TẦM YÊU CẦU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

ThS Hoàng Công Tuấn

*Giảng viên, Phòng Tổ chức, hành chính,
thông tin, tư liệu*

Trong suốt hơn 96 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng tỏ bản lĩnh, trí tuệ và vai trò cầm quyền sáng suốt, đưa dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Từ thân phận nô lệ, Nhân dân ta đã giành được độc lập, tự do; từ một đất nước nghèo nàn, lạc hậu, Việt Nam đã vươn lên trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, có vị thế và uy tín ngày càng cao trên trường quốc tế.

Trước lúc đi xa, trong Di chúc thiêng liêng để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt phần “nói về Đảng” lên “trước hết”, “việc cần làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”². Những lời căn dặn tâm huyết của Người luôn là kim chỉ nam soi sáng để Đảng ta vận dụng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền trong điều kiện mới.

Thực hiện tư tưởng của Người về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, từ ngày thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Việc đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng đã được đặt ra trong nhiều nghị quyết của Đảng từ Nghị quyết Trung ương 4 khoá

XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII ban hành Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”³.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đánh giá: “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, có mặt nổi bật, đột phá chưa từng có”⁴. Công tác xây dựng Đảng về chính trị tiếp tục được chú trọng, tăng cường; kiên trì, giữ vững và phát huy bốn kiên định, nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính tiên phong, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; công tác xây dựng Đảng về tư tưởng tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị; công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đặc biệt coi trọng. Đề cao chuẩn mực đạo đức cách mạng và phát huy

trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nhất là người đứng đầu; công tác xây dựng Đảng về tổ chức được triển khai quyết liệt, mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ; công tác xây dựng Đảng về cán bộ được đặc biệt chú trọng, có nhiều đổi mới góp phần xây dựng toàn diện đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược...

Trước yêu cầu phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới, với mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, vấn đề nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng được đặc biệt coi trọng. Trong bối cảnh kỷ nguyên số, cần hình thành “Đảng số” - một hệ thống lãnh đạo, điều hành, quản lý và phục vụ nhân dân dựa trên nền tảng dữ liệu và công nghệ hiện đại. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong quản lý đảng viên, trong tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, trong kiểm tra, giám sát sẽ giúp nâng cao năng lực dự báo, ra quyết định và giám sát của tổ chức Đảng.

Những năm qua, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp thiết thực nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, thể hiện rõ trong các hội nghị Trung ương khoá XIII và Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai quyết liệt, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong toàn xã hội. Công tác cán bộ được đổi mới theo hướng “đúng người, đúng việc”, coi trọng cả phẩm chất và năng lực.

Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế như: năng lực cụ thể hoá, tổ chức thực hiện một số chủ trương chưa đồng bộ; công tác dự báo chiến lược chưa thật sắc bén; việc đổi mới phương thức lãnh đạo còn chậm so với yêu cầu thực tiễn. Những vấn đề đó đòi hỏi phải tiếp tục kiên định, sáng tạo và đột phá hơn

nữa trong công tác xây dựng Đảng, nhằm đáp ứng kỳ vọng của Nhân dân và sự phát triển của đất nước.

Quán triệt và thực hiện những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, cần tiếp tục coi trọng xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ. Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước cần thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

Một là, nắm vững những yêu cầu cơ bản nhất đối với Đảng cầm quyền. Để giữ vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng cần xác định được tầm nhìn, hoạch định được đường lối của Đảng đúng đắn; lãnh đạo để xây dựng được một Nhà nước thực sự của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, làm cho Nhà nước thực sự là thiết chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân; xây dựng được đội ngũ cán bộ cầm quyền có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn - nghiệp vụ cao, có kỹ năng lãnh đạo và quản lý để làm cho đường lối đó thành hiện thực ở cơ sở.

Hai là, đẩy mạnh xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận nhằm góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện.

Ba là, tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức nhằm góp phần nâng cao năng lực

lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Tiếp tục tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức nhằm làm cho Đảng “vừa là đạo đức, vừa là văn minh” theo di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời, ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả sự suy thoái về đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, cần được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Bốn là, chú trọng xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ nhằm góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Cùng với cơ chế vận hành, tổ chức bộ máy và cán bộ là những yếu tố quyết định đến năng lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Trước hết, cần tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ bảo đảm thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp thật sự có đức, có tài, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIV.

Năm là, tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng, năng lực cụ thể hoá và tổ chức thực hiện cho đội ngũ cấp uỷ viên và cán bộ chuyên trách công tác đảng tại cơ sở. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm điểm, phê

biến và tự phê bình, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Sáu là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và hoạt động của Đảng, thực hiện số hoá tài liệu, quản lý và sử dụng trụ sở, tài sản sau sắp xếp tổ chức tránh lãng phí, phù hợp với điều kiện thực tiễn; tập trung xây dựng chính quyền số, xã hội số, công dân số, bình dân học vụ số; đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm vận hành đồng bộ các hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia, quản trị địa phương, nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp, phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp nhằm góp phần quan trọng để xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng theo hướng tinh gọn, giảm thiểu chi phí hoạt động, phát huy dân chủ trong Đảng.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là yêu cầu tất yếu của thời kỳ phát triển trong kỷ nguyên mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi là kim chỉ nam cho hành động, là nền tảng lý luận vững chắc để Đảng ta không ngừng đổi mới, tự chỉnh đốn, xứng đáng với vai trò người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân./.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.672.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, tập 15, tr.616.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”*.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, tr.44.

MÙA XUÂN TRÊN VÙNG CHÈ THÁI NGUYÊN - TỪ TRUYỀN THỐNG CỦA QUÊ HƯƠNG ĐẾN GIÁ TRỊ KINH TẾ

ThS Đàm Thị Hạnh

Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Mỗi mùa xuân đi qua trên những đồi chè Thái Nguyên không chỉ đánh dấu một vòng quay của thời gian mà còn mở ra một chu trình tái sinh của đất, của người và của khát vọng phát triển. Cây chè, vùng chè, điều tưởng như bình dị lại là nơi lắng đọng ký ức văn hóa, mồ hôi lao động và niềm tin bền bỉ của bao thế hệ cư dân vùng trung du. Từ những búp chè non hé mở trong sương sớm, một câu chuyện lớn hơn đang được kể: câu chuyện về sự chuyển mình của nông nghiệp truyền thống trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu. Khi kinh tế không còn chỉ đo bằng sản lượng mà bằng giá trị gia tăng và thương hiệu, cây chè Thái Nguyên đứng trước yêu cầu tự đổi mới để khẳng định vị thế. Mùa xuân, vì thế không chỉ là mùa thu hoạch mà là mùa của tư duy mới, cách làm mới và tầm nhìn dài hạn. Giữ được hồn cốt văn hóa trà nhưng vẫn tạo ra giá trị kinh tế bền vững chính là bài toán lớn đặt ra cho vùng chè hôm nay. Lời giải cho bài toán ấy đang được viết nên từ chính những đồi chè xanh mướt của Thái Nguyên trong mùa xuân mới.

Từ lâu, chè đã trở thành biểu tượng văn hóa của Thái Nguyên. Đặc biệt, thương hiệu “chè Tân Cương” đã được khẳng định trên thị trường trong nước và quốc tế nhờ hương vị thơm đậm, hậu ngọt và thân thiện với người thưởng thức. Người dân Thái Nguyên



Đồi chè Tân Cương vào xuân

coi cây chè không chỉ là cây trồng kinh tế mà còn là một phần không thể tách rời trong đời sống văn hóa - phong tục tập quán, gắn với lễ Tết, sum vầy và hội hè đầu xuân.

Với những tán chè xanh, từ những thôn, làng, xóm, bản, các thế hệ người trồng chè nay đã nối tiếp truyền thống với niềm tự hào và khát vọng phát triển bền vững.

Bước vào mùa xuân, khí thế sản xuất trên các vùng chè như Tân Cương, La Bằng, Trại Cài, Khe Cốc càng thêm sôi động. Đây là thời điểm bà con nông dân bắt đầu chăm sóc vườn chè, cắt tỉa để chuẩn bị thu hoạch những “lộc xuân non tươi” - nguyên liệu quý tạo ra các sản phẩm chè chất lượng cao.

Theo số liệu thống kê gần đây, Thái Nguyên hiện có tổng diện tích cây chè khoảng 23.500 - 24.000 ha, là tỉnh có diện tích, sản lượng và giá trị cây chè dẫn đầu cả nước. Trong năm 2025, sản lượng chè búp tươi ước đạt 273.000 tấn, có giá trị trung bình khoảng 13.200 USD/ha⁽¹⁾ - một con số tương đối ấn

tượng cho cây trồng chủ lực này. Một phần lớn diện tích chè hiện nay được sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn như VietGAP, hữu cơ (organic) và đang từng bước nâng tỷ lệ lên cao, mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường khó tính.

Nếu đến các vùng chè Thái Nguyên những ngày này, ta sẽ thấy giữa nhịp xuân lan tỏa trên những đồi chè xanh mướt, người dân Thái Nguyên bước vào vụ mới với tinh thần hăng say, chủ động và đầy trách nhiệm. Từ sáng sớm, tiếng cười nói rộn ràng hòa cùng nhịp tay thoăn thoắt hái chè, thể hiện sự gắn bó bền bỉ của người nông dân với cây chè - kẻ sinh nhai và cũng là niềm tự hào của quê hương. Nhiều hộ đã mạnh dạn đầu tư giống mới, áp dụng quy trình VietGAP, hữu cơ, coi chất lượng là danh dự của người làm chè. Chính tinh thần lao động cần mẫn, đổi mới không ngừng ấy đang tạo nên sức sống bền bỉ cho thương hiệu “đệ nhất danh trà” Thái Nguyên.

Xác định tiềm năng to lớn của ngành chè, tỉnh Thái Nguyên đã đề ra mục tiêu mạnh mẽ: phấn đấu đến năm 2030 đạt tổng giá trị sản phẩm chè đạt khoảng 25 nghìn tỷ VND (~1 tỷ USD)⁽²⁾, đưa chè trở thành một nông sản chiến lược xuất khẩu và thương hiệu mạnh của Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu này, tỉnh đã ban hành Nghị quyết về phát triển ngành chè giai đoạn 2025 - 2030, với các định hướng chiến lược như:

Mở rộng diện tích chè lên khoảng 24.500 ha, sản lượng búp tươi trên 300.000 tấn/năm;

Ít nhất 70% diện tích chè đáp ứng tiêu chuẩn VietGAP và hữu cơ;

Phát triển thêm 250 sản phẩm OCOP từ chè; trong đó, có ít nhất 6 sản phẩm 5 sao tiêu chuẩn OCOP;

Đẩy mạnh chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và thương mại điện tử để kích cầu thị trường nội địa và xuất khẩu;

Kết nối sản xuất – chế biến – tiêu thụ, tạo chuỗi giá trị bền vững giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

Tính đến đầu năm 2025, tỉnh đã có hơn 195 sản phẩm chè đạt tiêu chuẩn OCOP (chiếm gần 63% tổng số sản phẩm OCOP của địa phương); trong đó, nhiều sản phẩm cao cấp như Trà Tôm Nôn và Trà Đinh đạt 5 sao OCOP - minh chứng rõ về nỗ lực nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm.

Bên cạnh giá trị kinh tế trực tiếp, chè Thái Nguyên còn được định hướng gắn kết với du lịch trải nghiệm cộng đồng. Những đồi chè xanh ngút ngàn, những bản làng mời khách thưởng trà giữa không gian yên bình ngày xuân đang trở thành sản phẩm hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Các hoạt động như tham quan quy trình sản xuất, học nghệ thuật pha trà truyền thống, tham gia hái chè đều góp phần gia tăng giá trị cho ngành chè và tạo thêm thu nhập cho người dân.

Việc phát triển du lịch trên nền tảng ngành chè không chỉ giúp quảng bá thương hiệu mà còn kích thích tiêu dùng, tăng kết nối giữa văn hóa bản địa và thị trường rộng lớn hơn.

Ngày hội Văn hóa Trà Thái Nguyên được tổ chức hằng năm đã trở thành điểm hẹn văn hóa đặc sắc, nơi hội tụ tinh hoa nghệ chè và nghệ thuật thưởng trà của vùng trung du. Thông qua các hoạt động tôn vinh nghệ nhân, trưng bày sản phẩm chè, trình diễn không gian văn hóa trà, ngày hội góp phần quảng bá thương hiệu chè Thái Nguyên một cách sinh động, giàu bản sắc. Đây không chỉ là sự kiện văn hóa mà còn là cầu nối quan trọng giữa sản xuất, tiêu dùng và du lịch, giúp nâng cao giá trị kinh tế của cây chè. Qua mỗi mùa lễ hội, hình ảnh chè Thái Nguyên ngày càng lan tỏa, khẳng định vị thế của một sản phẩm vừa mang chiều sâu văn hóa, vừa có sức cạnh tranh trên thị trường.

(Xem tiếp trang 62)

CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ TRONG BỐI CẢNH VẬN HÀNH MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP - THỰC TIỄN TỪ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHỢ ĐỒN

ThS Nguyễn Hải Yến

Giảng viên, Khoa Nhà nước và pháp luật

Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp đặt cấp xã vào vị trí trung tâm của quản trị nhà nước ở cơ sở; đồng thời, làm gia tăng đáng kể khối lượng công việc hành chính và trách nhiệm cung ứng dịch vụ công. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số trở thành điều kiện cấu trúc bảo đảm cho mô hình hai cấp vận hành hiệu quả, minh bạch và bền vững. Sự thay đổi đó, đặt ra ba yêu cầu lớn đối với cấp xã đó là cần phải tăng năng lực xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử; tăng năng lực quản trị và khai thác dữ liệu; tăng mức độ hài lòng và khả năng tiếp cận dịch vụ số của người dân.

Nằm ở phía Bắc của tỉnh Thái Nguyên, xã Chợ Đồn được thành lập trên cơ sở hợp nhất 4 đơn vị hành chính cũ (Phương Viên, Ngọc Phái, Bằng Lăng và thị trấn Bằng Lũng) với tổng diện tích tự nhiên khoảng 14.210 ha. Toàn xã hiện có 39 thôn, quy mô dân số khoảng 16.250 người, trong đó trên 70% là đồng bào dân tộc thiểu số. Bộ máy chính quyền xã đã được kiện toàn sau sắp xếp với 3 cơ quan chuyên môn và tương đương, 1 tổ chức hành chính, 15 đơn vị sự nghiệp công lập, gồm 48 cán bộ, công chức, 269 viên chức, 11 người hoạt động không chuyên trách ở xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn. Công tác phân công nhiệm vụ được thực hiện rõ ràng; bước đầu đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Ngay sau khi Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi

số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” được triển khai, Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã đã kịp thời ban hành các văn bản phân công nhiệm vụ, giao rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã thường xuyên chỉ đạo, điều hành thông qua các cuộc họp giao ban, họp đột xuất, các thông báo kết luận và các văn bản chỉ đạo cụ thể, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho phòng ban, đơn vị. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân xã thường xuyên đôn đốc tiến độ qua hệ thống iOffice, Zalo điều hành và giao nhiệm vụ trực tiếp; kịp thời nhắc nhở các đơn vị chậm tiến độ; đồng thời biểu dương các tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ. Cách thức chỉ đạo điều hành bảo đảm rõ người - rõ việc - rõ thời gian - rõ kết quả, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các chương trình chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Thứ nhất, về hạ tầng số

Hiện tại, Ủy ban nhân dân xã đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính, máy in trong xử lý công việc. Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) có 11 máy vi tính (9 máy phục vụ cán bộ, 2 máy cho công dân thao tác), 4 máy scan, 9 máy in và 1 máy photo để phục vụ hoạt động tại TTPVHCC. Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận và xử lý qua dịch vụ công trực tuyến đạt 100%. Lãnh đạo thực hiện ký số kết quả giải quyết theo quy định. Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ tra cứu, lưu trữ và thống kê điện tử. Đơn vị lắp đặt 2 hệ thống đường truyền mạng

riêng biệt tốc độ 1000 Mbps để phục vụ hoạt động Trung tâm và phục vụ người dân đến thực hiện các thủ tục. Nhìn chung, hạ tầng mạng cơ bản hoạt động thông suốt. Toàn xã có 44 cụm loa truyền thanh thông minh phục vụ hoạt động tuyên truyền cơ sở. Đơn vị hiện đang sử dụng các hệ thống dùng chung và phần mềm để thực hiện các nhiệm vụ về quản lý nhà nước, gồm: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice); hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; hệ thống báo cáo điều hành; nền tảng họp trực tuyến LGSP; phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm quản lý hộ tịch điện tử; phần mềm theo dõi chỉ số cải cách hành chính và chuyển đổi số; hệ thống thông tin nguồn - truyền thanh thông minh tại các thôn; phần mềm kế toán ngân sách xã (Misa). Đồng thời, xã đang khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quan trọng như Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu đất đai (VBDLis), phục vụ công tác quản lý Nhà nước và cung cấp dịch vụ cho người dân ngày càng thuận tiện, nhanh chóng, chính xác và minh bạch.

Thứ hai, về kinh tế số

Toàn xã đã có 100% cơ sở kinh doanh xăng dầu thực hiện việc lập hóa đơn điện tử và thanh toán hóa đơn không dùng tiền mặt theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP; tổ chức thực hiện việc chi trả lương, phụ cấp cho 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách xã, thôn qua tài khoản ngân hàng; tuyên truyền các doanh nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng các giải pháp quản lý tài chính, tài sản, nhân sự, hàng hóa sử dụng nền tảng số, họp đồng điện tử và thực hiện nộp thuế điện tử đáp ứng được yêu cầu của chuyển đổi số; các sản phẩm OCOP trên địa bàn xã đã và đang được quảng bá, giới thiệu rộng rãi trên các sàn thương mại điện tử và Trang thông tin điện tử. Một số cơ sở sản xuất, hợp tác xã trên địa bàn đã chủ động ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kinh doanh. Nhiều đơn vị

đã quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm thông qua các sàn thương mại điện tử và mạng xã hội như Facebook, Zalo, TikTok..., góp phần mở rộng thị trường, nâng cao giá trị sản phẩm OCOP và thúc đẩy kinh tế số tại địa phương.

Thứ ba, về xã hội số

Cán bộ, công chức toàn xã được tập huấn sử dụng iOffice, ký số, hộp thư công vụ và các nền tảng dùng chung; 100% cán bộ thực hành xử lý văn bản điện tử và tuân thủ quy trình an toàn thông tin. Tổ Công nghệ số cộng đồng tại 39 thôn, tổ dân phố được bồi dưỡng kỹ năng hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến, sử dụng VNeID và thanh toán không dùng tiền mặt. Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, các ứng dụng số tăng lên rõ rệt. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực: giáo dục, y tế, an ninh trật tự, quản lý đất đai, tài nguyên môi trường được triển khai đồng bộ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ Nhân dân. Người dân đã được sử dụng sổ sức khỏe điện tử, ứng dụng VNeID thay cho thẻ bảo hiểm y tế giấy và được tiếp cận với các tiện ích lưu trữ, tra cứu thông tin khám chữa bệnh trên hệ thống điện tử, giúp quá trình khám chữa bệnh diễn ra nhanh chóng, thuận tiện và minh bạch hơn. Ứng dụng phần mềm quản lý cư trú, dữ liệu dân cư và tiếp nhận thông tin qua môi trường mạng được hỗ trợ bằng ứng dụng, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, bản đồ số và các phần mềm đo đạc trong công tác quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường giúp nâng cao tính minh bạch và giảm thời gian xử lý thủ tục.

Tuy nhiên, với quy mô địa bàn rộng, dân cư phân tán, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều cũng ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và chất lượng triển khai chuyển đổi số tại địa phương. Cụ thể, hệ thống phần mềm quản lý văn bản đã được triển khai nhưng đôi lúc

hoạt động chưa ổn định, trang thiết bị, hạ tầng chưa đồng bộ... Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin; chưa chuyển đổi triệt để từ phương thức làm việc truyền thống sang xử lý hồ sơ trên môi trường số; kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin còn thấp. Một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi, lao động tự do còn hạn chế kỹ năng số, tâm lý e ngại tiếp cận công nghệ mới. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tại các thôn còn thiếu và yếu.

Để khắc phục những khó khăn nêu trên, trong thời gian tới xã cần tập trung vào một số giải pháp trọng tâm như: Nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của chính quyền đối với các nội dung chuyển đổi số; tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền về chuyển đổi số, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ đảm nhận công tác chuyển đổi số đáp ứng với yêu cầu thực tiễn; chú trọng đầu tư về hạ tầng số và bảo đảm an toàn thông tin.

MÙA XUÂN TRÊN VÙNG CHÈ THÁI NGUYÊN - TỪ TRUYỀN THỐNG CỦA QUÊ HƯƠNG...

(Tiếp theo trang 59)

Mùa xuân trên vùng chè Thái Nguyên không chỉ mang sắc xanh của lộc non, mà còn kết tinh khát vọng phát triển bền bỉ của một vùng đất giàu truyền thống. Từ những đồi chè trăm năm tuổi đến những mô hình sản xuất hiện đại, cây chè đang được nâng tầm cả về giá trị kinh tế lẫn chiều sâu văn hóa. Giữ vững bản sắc nhưng không ngừng đổi mới chính là con đường để chè Thái Nguyên

Từ thực tiễn công tác chuyển đổi số tại xã Chợ Đồn cho thấy chuyển đổi số cấp xã không chỉ là công cụ hỗ trợ cải cách hành chính, mà còn là nền tảng để xây dựng mô hình quản trị địa phương hiện đại, minh bạch, lấy người dân làm trung tâm trong giai đoạn phát triển mới. Đồng thời cũng khẳng định, trong bối cảnh mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cấp xã hoàn toàn có thể trở thành trung tâm vận hành chính quyền số nếu có nền tảng thể chế vững chắc và quyết tâm chính trị cao./.

Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban nhân dân xã Chợ Đồn, *Báo cáo số 507/BC-UBND ngày 11/12/2025 về Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.*

khẳng định vị thế trong bối cảnh hội nhập. Niềm tin vào một ngành chè phát triển bền vững được vun đắp từ chính bàn tay, khối óc của người dân và sự đồng hành của cấp ủy, chính quyền các cấp. Trong mùa xuân mới, vùng chè Thái Nguyên tiếp tục xanh lên cùng những kỳ vọng lớn cho tương lai./.

Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, *Quyết định số 139/QĐ-UBND, ngày 19/01/2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.*

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, *Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 03/02/2025 về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025-2030.*

SỰ KIỆN NỔI BẬT QUÝ I - NĂM 2026

TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Thị Hải Yến

*Giảng viên, Phòng Quản lý đào tạo và
nghiên cứu khoa học*

1. Công bố quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Sáng 02/3/2026, tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã diễn ra Hội nghị công bố Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ. Dự hội nghị có đồng chí Trịnh Xuân Trường, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên; lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và cán bộ, giảng viên Nhà trường.

Tại hội nghị, đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy công bố Quyết định số 422-QĐ/TU, ngày 25/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều động, phân công, bổ nhiệm đồng chí Phạm Việt Đức, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên từ ngày 01/3/2026. Phát biểu giao nhiệm vụ, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tin tưởng trên cương vị mới, đồng chí Phạm Việt Đức sẽ tiếp tục phát huy năng lực lãnh đạo, cùng tập thể Nhà trường đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, phấn đấu xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2 vào năm 2027.

2. Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

Ngày 07/02/2026, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng theo hình thức trực tuyến.

Tại điểm cầu Nhà trường có Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng cùng toàn thể cán bộ, giảng viên tham dự. Các đại biểu được nghiên cứu 10 chuyên đề trọng tâm của Văn kiện Đại hội XIV, tập trung làm rõ những nội dung cốt lõi về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; quốc phòng - an ninh; đối ngoại và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Thông qua hội nghị, đội ngũ cán bộ, giảng viên Nhà trường tiếp tục nâng cao nhận thức, thống nhất trong triển khai thực hiện nghị quyết.

3. Tham dự Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế Nhà nước và Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam

Sáng 25/02/2026, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế Nhà nước và Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam theo hình thức trực tuyến. Hội nghị do Ban Bí thư tổ chức, kết nối từ Hội trường Diên Hồng (Nhà Quốc hội) tới hơn 27.000 điểm cầu trên cả nước với trên 2 triệu cán bộ, đảng viên tham dự. Tại điểm cầu Trường Chính trị tỉnh, đồng chí Nguyễn Phúc Ái, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng Nhà trường chủ trì. Tham dự có Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng và toàn thể cán bộ, đảng viên, viên chức Nhà trường.

4. Phát động “Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ Sáu, năm 2026”

Sáng 05/02/2026, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự trực tuyến họp báo phát động “Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ Sáu, năm 2026”. Tại điểm cầu Nhà trường có đồng chí Lưu Ngọc Trung, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; đồng chí Đỗ Tài, Phó Hiệu trưởng cùng lãnh đạo các khoa, phòng và đội ngũ giảng viên tham dự. Cuộc thi năm nay có chủ đề “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên mới”, tập trung vào các nội dung như bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đổi mới phương thức bảo vệ nền tảng tư tưởng gắn với chuyển đổi số.

5. Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức năm 2026

Chiều 27/01/2026, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức năm 2026 nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2026. Tại hội nghị, các đại biểu đã nghe báo cáo tổng kết công tác năm 2025, kiểm điểm việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường; đồng thời, thảo luận chương trình công tác năm 2026. Trong năm 2026, Nhà trường xác định một số nhiệm vụ trọng tâm như: nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy gắn với thực tiễn; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đặc biệt, triển khai quyết liệt việc thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 07/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2.

6. Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng trường chính trị chuẩn với đoàn công tác Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ tỉnh Lạng Sơn

Chiều 05/3/2026, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã tiếp và làm việc với đoàn công tác Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ tỉnh Lạng Sơn nhằm trao đổi kinh nghiệm xây dựng trường chính trị chuẩn. Đón tiếp đoàn có đồng chí Phạm Việt Đức, Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng; đồng chí Đặng Thị Kim Oanh, Phó Hiệu trưởng cùng lãnh đạo các khoa, phòng Nhà trường. Đoàn công tác do đồng chí Dương Thị Hồng Vân, Phó Hiệu trưởng làm Trưởng đoàn. Tại buổi làm việc, hai đơn vị đã trao đổi nhiều nội dung liên quan đến công tác xây dựng trường chính trị chuẩn theo quy định của Ban Bí thư và hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tập trung vào việc rà soát các tiêu chí, công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và xây dựng văn hóa trường Đảng.

7. Hội thảo khoa học: “Nâng cao chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Thái Nguyên theo vị trí việc làm - Vai trò của Trường Chính trị tỉnh”

Ngày 05/02/2026, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tổ chức Hội thảo khoa học cấp trường với chủ đề “Nâng cao chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Thái Nguyên theo vị trí việc làm - Vai trò của Trường Chính trị tỉnh”. Hội thảo do các đồng chí Nguyễn Phúc Ái và đồng chí Đỗ Tài, Phó Hiệu trưởng Nhà trường đồng chủ trì. Tham dự hội thảo có đại diện một số địa phương, học viên các lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp xã cùng cán bộ, giảng viên Nhà trường. Ban Tổ chức Hội thảo đã nhận được 20 bài tham luận, trong đó có 5 tham luận được trình bày trực tiếp. Các ý kiến tập trung phân tích yêu cầu đổi mới công tác bồi dưỡng theo vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở.



Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự trực tuyến họp báo phát động “Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ Sáu, năm 2026”



Bế giảng lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung, Khóa 58



Trưởng Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng



Hội thảo khoa học: “Nâng cao chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Thái Nguyên theo vị trí việc làm - Vai trò của Trưởng Chính trị tỉnh”.